

LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐẠI SỎ
(1957 – 2012)



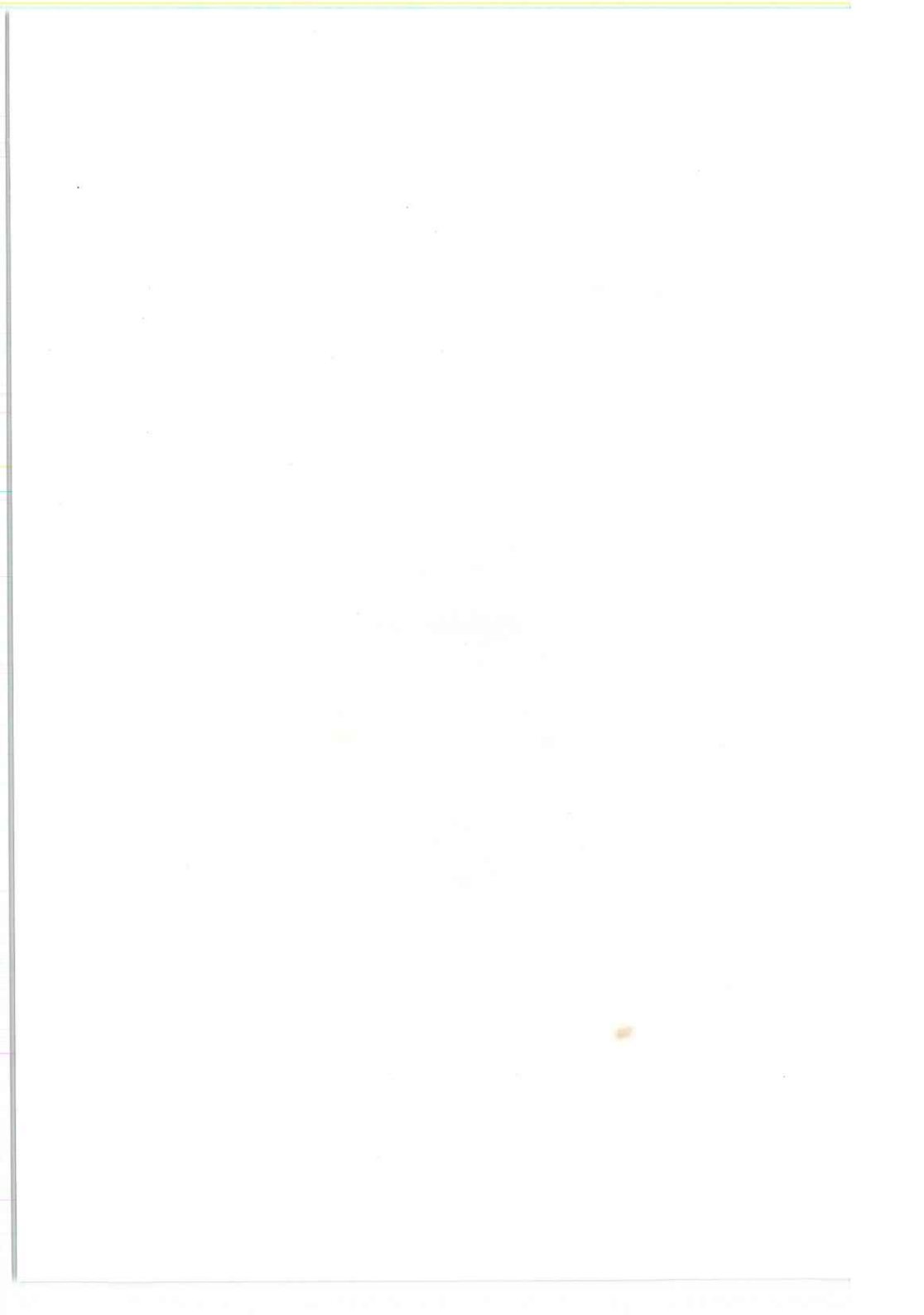
**BAN CHẤP HÀNH ĐẢNG BỘ XÃ ĐẠI SẢO
HUYỆN CHỢ ĐÒN - TỈNH BẮC KẠN**

**LỊCH SỬ
ĐẢNG BỘ XÃ ĐẠI SẢO
(1957 - 2012)**

NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC



CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH (1890 - 1969)
Người sáng lập và rèn luyện Đảng Cộng sản Việt Nam



BAN CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Đặng Văn Tiến

Bí thư Đảng ủy xã - Trưởng ban

Hoàng Văn Thiện

Phó Bí thư, Thường trực Đảng ủy xã - Phó ban

Đặng Trần Oanh

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó ban

BAN SỬU TÂM TƯ LIỆU

Hoàng Văn Thiện

Phó Bí thư, Thường trực Đảng ủy xã - Trưởng ban

Đặng Trần Oanh

Phó Bí thư, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Phó ban

Bùi Văn Lùng

Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã - Ủy viên

Nguyễn Thị Phận

Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã - Ủy viên

Hoàng Đức Luân

Trưởng Công an xã - Ủy viên

Nông Văn Lân

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Quân sự xã - Ủy viên

Hoàng Văn Bách

Cán bộ Tư pháp xã - Ủy viên

La Thị Tạ

Chủ tịch Hội Phụ nữ xã - Ủy viên

Hoàng Đức Chu

Nguyên Bí thư Đảng ủy xã - Ủy viên

BAN NGHIÊN CỨU - BIÊN SOẠN

PGS.TS: **Vũ Quang Vinh**

Thạc sỹ, nhà báo: **Nguyễn Nguyên Hạnh**

Thạc sỹ: **Nguyễn Duy Thanh**

LỜI NÓI ĐẦU

Xã Đại Sảo thuộc huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn là địa phương có bề dày lịch sử với truyền thống cách mạng kiên cường, bất khuất. Con người Đại Sảo cần cù, sáng tạo trong lao động sản xuất, kiên trì bền bỉ trong phòng chống thiên tai; hiền hòa trong cuộc sống và anh dũng trong đấu tranh. Những truyền thống tốt đẹp đó được hun đúc và kết tinh thành những giá trị văn hóa bền vững, là nguồn động lực to lớn giúp Đảng bộ và nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo chiến đấu và chiến thắng trong sự nghiệp đấu tranh vì độc lập, tự do cho dân tộc, hạnh phúc cho nhân dân.

Nhằm ghi lại chặng đường lịch sử vẻ vang của quê hương, góp phần giáo dục truyền thống cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã; đồng thời nâng cao lòng tự hào dân tộc, tình yêu quê hương đất nước; rèn luyện tinh thần, ý chí vượt qua khó khăn, xây dựng Đại Sảo ngày càng giàu đẹp; thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW ngày 28/8/2002 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IX) “Về việc tăng cường và nâng cao công tác biên soạn, xuất bản lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam”, chủ trương của Tỉnh ủy Bắc Kạn, Huyện ủy Chợ Đồn về việc đẩy mạnh công tác nghiên cứu, sưu tầm, biên soạn lịch sử

Đảng bộ địa phương nhằm giáo dục truyền thống cách mạng, Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đại Sảo (nhiệm kỳ 2010-2015) đã ra Nghị quyết về việc tổ chức sưu tầm tư liệu, nghiên cứu biên soạn và xuất bản cuốn “**Lịch sử Đảng bộ xã Đại Sảo 1957-2012**”.

Cuốn sách ghi lại chặng đường lịch sử kể từ khi Chi bộ Đảng ở Đại Sảo được thành lập (năm 1957) đến nay với nhiều khó khăn, gian khổ nhưng cũng rất anh dũng, vẻ vang. Việc xuất bản cuốn sách có ý nghĩa quan trọng trong công tác giáo dục chính trị, tư tưởng của Đảng bộ; giúp cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong xã hiểu rõ hơn truyền thống lịch sử cách mạng của quê hương, đồng thời rút ra những bài học kinh nghiệm nhằm nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng bộ xã.

Cuốn sách được ra mắt bạn đọc là sự nỗ lực, cố gắng rất lớn của Ban Chấp hành Đảng bộ xã, các đồng chí trong Ban Chỉ đạo, Ban Sưu tầm, Ban Nghiên cứu - Biên soạn, cũng như sự tham gia giúp đỡ nhiệt tình của Ban Tuyên giáo huyện Chợ Đồn, các đồng chí lão thành cách mạng, các đồng chí là nhân chứng hoạt động qua các thời kỳ. Đặc biệt, trong quá trình biên soạn cuốn sách, tập thể tác giả đã có sự tiếp thu có chọn lọc nguồn tư liệu quý giá trong bản sơ thảo “Lịch sử Đảng bộ xã Đại Sảo” của đồng chí Hoàng Đức Chu - nguyên Bí thư Đảng ủy xã. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đại Sảo xin trân trọng ghi nhận những đóng góp của các đồng chí và của nhân dân trong toàn xã.

Trong quá trình tổ chức nghiên cứu, biên soạn, mặc dù đã có nhiều cố gắng song những thiếu sót, hạn chế là không tránh khỏi do nguồn tư liệu thành văn bị thất lạc nhiều, các nhân chứng lịch sử người còn, người mất. Ban Chấp hành Đảng bộ xã Đại Sảo mong muốn nhận được những ý kiến đóng góp, bổ sung để cuốn sách được hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau.

T/M BCH ĐẢNG BỘ XÃ ĐẠI SẢO

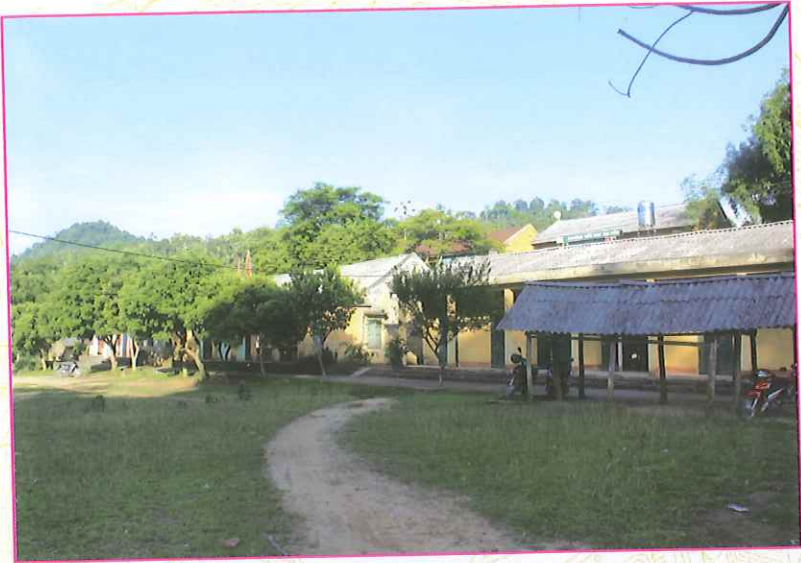
Bí thư Đảng ủy - Trưởng Ban chỉ đạo

Đặng Văn Tiến









Trụ sở Đảng ủy - HĐND - UBND xã Đại Sào



Trạm Y tế xã Đại Sào

Chương I

ĐẠI SẢO - VÙNG ĐẤT, CON NGƯỜI VÀ TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

I. VỊ TRÍ ĐỊA LÝ VÀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN - XÃ HỘI

Đại Sảo là xã miền núi nằm ở phía Đông Nam của huyện Chợ Đồn, tỉnh Bắc Kạn. Xã có địa giới hành chính: phía Đông giáp xã Rã Bản, xã Đông Viên và huyện Bạch Thông; phía Tây giáp xã Bằng Lãng và xã Phong Huân; phía Nam giáp xã Yên Mỹ; phía Bắc giáp xã Phương Viên và thị trấn Bằng Lũng. Đặc điểm nổi bật trong địa giới hành chính của xã là kéo dài theo chiều dọc (chiều dài của xã lên đến 16km) và hẹp về chiều ngang (chỗ hẹp nhất của xã chỉ là 2,05km, rộng nhất là 5,34km).

Theo số liệu thống kê năm 2011, tổng diện tích đất tự nhiên của xã là 3.175,09ha, chiếm 3,48% diện tích đất tự nhiên của toàn huyện; dân số là 1.959 người với trên 500 hộ, chủ yếu là dân tộc Tày, Kinh, Nùng, Dao. Trên địa bàn xã có tỉnh lộ ĐT254B và huyện lộ chạy qua nối xã với thị trấn Bằng Lũng. Đây là những điều kiện tương đối thuận lợi để Đại Sảo giao lưu phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội với các xã trong và ngoài huyện.

Đại Sảo nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, thời tiết trong năm được phân hóa thành bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; nhưng có hai mùa tương đối rõ rệt là mùa hạ nóng ẩm, mưa nhiều và mùa đông thời tiết khô, rét, mưa ít. Tổng nhiệt độ trung bình hàng năm ở mức 7.000 -8.000°C, số giờ nắng trung bình khoảng 1.450 giờ/năm, tháng ít nắng nhất là tháng 1 (50 giờ), tháng nhiều nắng nhất là tháng 8 (200 giờ). Độ ẩm không khí bình quân trong năm khoảng 82-85%, độ ẩm bình quân thấp nhất khoảng 50% vào mùa khô. Lượng mưa trung bình khoảng 1.700mm/năm, phân bố không đều giữa các tháng trong năm, mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10, lượng mưa chiếm 75-80% lượng mưa của cả năm, tập chung chủ yếu vào tháng 7 và tháng 8. Hàng năm, trên địa bàn xã thường xuyên xảy ra hiện tượng gió lốc, sương mù, tuy nhiên ảnh hưởng không nhiều đến đời sống và sản xuất của người dân.

Do đặc điểm cấu tạo địa hình, địa chất nên địa bàn xã hình thành nhiều dạng địa hình có tính đặc trưng của miền núi, diện tích đất canh tác nhỏ hẹp, đất dốc dưới 25% chiếm tỷ lệ thấp nên ảnh hưởng không nhỏ đến quá trình khai thác và sử dụng. Tính đến năm 2011, diện tích đất nông nghiệp của xã là 2.753,7 ha, (chiếm 86,01% diện tích đất tự nhiên), đất phi nông nghiệp là 87,15ha (chiếm tỷ lệ 2,47% tổng diện tích tự nhiên). Trong đó, đất nông nghiệp được sử dụng cho các mục đích cụ thể gồm: đất sản xuất nông nghiệp là 189,76ha, đất lâm nghiệp là 2.550,88ha, đất nuôi trồng thủy sản là 13,26ha.

Rừng Đại Sáo chủ yếu là rừng núi đất sét, không có núi đá nên các loại gỗ quý như lim, nghiến, táu không có. Số diện tích rừng của xã hiện nay đang ở độ tuổi khép tán nên trữ lượng gỗ chưa cao. Vì vậy, trong thời gian tới xã cần có chính sách thích hợp nhằm phát triển nguồn tài nguyên rừng, tạo thêm thu nhập, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống nhân dân.

Về hệ thống thủy văn, xã có 41,59ha đất sông suối và mặt nước chuyên dùng, diện tích đất nuôi trồng thủy sản là 13,26ha bao gồm nhiều hệ thống khe suối thượng nguồn, chất lượng nước trong suốt sạch. Đây chính là nguồn nước mặt rất phong phú cung cấp cho hoạt động sản xuất nông nghiệp của xã.

Số người trong độ tuổi lao động chiếm 60,89% dân số toàn xã. Cơ cấu lao động trong ngành nông nghiệp chiếm tỷ lệ lớn do các ngành công nghiệp, dịch vụ chưa phát triển. Tuy nhiên, trong những năm gần đây, khu vực dịch vụ và công nghiệp sản xuất vật liệu, chế biến lâm sản đang dần được mở rộng, thu hút ngày càng nhiều lao động địa phương và các vùng lân cận. Thu nhập bình quân đầu người năm 2012 đạt 7 triệu đồng/người/năm.

Thực hiện phương châm Nhà nước và nhân dân cùng làm, trong xây dựng cơ bản, xã Đại Sáo đã sử dụng nguồn vốn có hiệu quả để xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung đầu tư có trọng điểm. Đảng ủy và chính quyền địa phương luôn ưu tiên xây dựng các công trình phục vụ thiết thực cho sản xuất và đời sống của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Hệ thống điện - đường - trường - trạm của xã Đại

Sảo mặc dù còn nhiều thiếu thốn, song cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân địa phương. Mạng lưới điện với 5 trạm biến áp đảm bảo cung cấp điện sinh hoạt và sản xuất cho 100% số hộ trong xã. Cùng với đó, hệ thống trường học đang được xây dựng và ngày càng hoàn thiện, trạm y tế của xã cũng được đầu tư kinh phí để nâng cấp. Đội ngũ y, bác sĩ không ngừng được nâng cao trình độ nhằm đáp ứng tốt hơn việc chăm sóc và bảo vệ sức khỏe ban đầu cho nhân dân.

Với điều kiện tự nhiên và xã hội hiện có, Đại Sảo có nhiều thuận lợi cho việc phát triển nông - lâm nghiệp kết hợp, có thể coi là một trong những thế mạnh của Đại Sảo. Dưới sự lãnh đạo của Đảng ủy - chính quyền, cán bộ và nhân dân trong xã luôn đoàn kết, thống nhất, tin tưởng vào sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng, ra sức tăng gia sản xuất, nâng cao đời sống nhân dân.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi về điều kiện tự nhiên - xã hội, Đại Sảo còn phải đối mặt với những khó khăn nhất định. Là xã miền núi, do địa hình bị chia cắt nhiều, trình độ dân trí ở mức trung bình với nền sản xuất nông nghiệp là chính, các ngành nghề lại chưa phát triển, nguồn vốn ít, dịch vụ thương mại đã bước đầu xuất hiện song còn phát triển chậm, chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi chậm, phương pháp khai thác tiềm năng lợi thế của xã chưa được quy hoạch đúng mức ảnh hưởng đến sản xuất và đời sống sinh hoạt của nhân dân.

Với truyền thống đoàn kết, cần cù, sáng tạo trong lao động, nhân dân các dân tộc Đại Sảo đã và đang làm cho

diện mạo kinh tế - xã hội địa phương ngày càng khởi sắc. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân được cải thiện đáng kể. Tuy xã còn gặp nhiều khó khăn bởi các điều kiện tự nhiên và môi trường xã hội mang đến, nhưng một tương lai mới đây hứa hẹn đang dần rõ nét trên mảnh đất này.

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH, PHÁT TRIỂN LÀNG XÃ

Lịch sử hình thành và phát triển của vùng đất Đại Sảo là một quá trình lâu dài, phức tạp, gắn liền với quá trình đấu tranh giành độc lập dân tộc và xây dựng đất nước.

Theo sử cũ ghi lại, từ đời nhà Trần trở về trước, địa phận huyện Chợ Đồn ngày nay là một phần đất của huyện Vĩnh Thông, phủ Thái Nguyên. Đến đời nhà Lê, huyện Vĩnh Thông được đổi thành châu Bạch Thông thuộc phủ Thông Hóa, do phiên thân họ Hoàng nối đời cai trị. Từ đó trở đi, Chợ Đồn vẫn thuộc châu Bạch Thông.

Năm 1884, sau khi chiếm được thành Thái Nguyên, thực dân Pháp bắt đầu mở rộng xâm lược lên các huyện phía Bắc. Khi tiến đánh Thông Hóa do vấp phải sự phản kháng mãnh liệt của nhân dân các dân tộc ở đây nên phải tới năm 1894 chúng mới đến được phủ lý Thông Hóa. Năm 1895, Galiêni dẫn một đạo quân tiến lên vùng thượng lưu sông Cầu, đánh chiếm các vùng cao của Thông Hóa, trong đó có huyện Chợ Đồn ngày nay.

Sau khi hoàn thành việc xâm lược, thực dân Pháp thành lập chính quyền cai trị ở đây. Năm 1911, châu Chợ Đồn được thành lập bao gồm 2 tổng Đông Viên và Nhu

Viễn. Đến năm 1914, tổng Nghĩa Tá thuộc Thái Nguyên được nhập vào châu Chợ Đồn thuộc tỉnh Bắc Kạn. Kể từ đó, châu Chợ Đồn có 3 tổng với 16 xã. Xã Đại Sảo lúc này nằm trong tổng Đông Viên.

Cách mạng Tháng Tám nổ ra, nhân dân Đại Sảo cùng quân và dân Chợ Đồn nổi dậy giành chính quyền vào ngày 4/3/1945 (tức 20 tháng giêng năm Ất Dậu). Sau khi Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công, ngày 6/1/1946, thực hiện chủ trương “bãi bỏ cấp tổng, thành lập cấp xã” của Trung ương, xã Đông Viên được thành lập gồm ba thôn: Đông Viên, Đại Sảo, Rã Bản. Từ đó, Đại Sảo là một thôn thuộc xã Đông Viên.

Sau phong trào giảm tô, giảm tức, cuối năm 1954 đầu năm 1955, xã Đông Viên được chia tách thành ba xã như trước nhưng tên gọi được thay đổi. Xã Đông Viên được gọi là Đồng Thắng, xã Rã Bản được gọi là Đức Thượng, xã Đại Sảo được gọi là Đại Thắng. Năm 1964 xã Đại Thắng được đổi tên thành Đại Sảo và ổn định cho đến ngày nay.

III. PHONG TỤC TẬP QUÁN, TRUYỀN THỐNG LỊCH SỬ, VĂN HÓA

1. Phong tục tập quán

Phong tục tập quán xã Đại Sảo được hình thành trên cơ sở của nền văn minh nông nghiệp. Cuộc sống của mỗi người dân Đại Sảo đều gắn bó mật thiết với xóm làng, quê hương. Trong xã hội, dân cư tụ hội thành từng thôn bản. Những thiết chế hành chính này đã ra đời ngay từ những buổi đầu trũng nước của dân tộc. Dần dần, các tổ chức

này ngày càng ổn định và chặt chẽ hơn dựa trên những phong tục tập quán và quy định pháp luật. Cả phong tục tập quán và pháp luật đều là những quy tắc ứng xử chung có tính khuôn mẫu, chuẩn mực để định hướng hành vi của con người nhưng phong tục tập quán được hình thành trước khi có pháp luật và chúng tồn tại trong tất cả mọi giai đoạn, mọi tiến trình trong lịch sử phát triển của xã hội. Phong tục tập quán ở Đại Sảo có truyền thống lâu đời, đã trở thành luật tục sâu đậm và gắn chặt trong người dân, có sức mạnh hơn cả những đạo luật. Theo sự thăng trầm của lịch sử, những phong tục tập quán của người dân Đại Sảo cũng không ngừng biến đổi theo trào lưu biến đổi văn hoá xã hội. Tuy nhiên có những phong tục mất đi nhưng cũng có những phong tục khẳng định được tính đúng đắn, cái hay, cái đẹp qua việc những phong tục đó còn hiện hữu trong cuộc sống ngày nay của nhân dân các dân tộc Đại Sảo.

Các ngày lễ tết: Mỗi năm, theo phong tục truyền thống, người Đại Sảo có nhiều ngày lễ tết, mỗi ngày đều mang ý nghĩa tâm linh đặc trưng riêng, đóng vai trò quan trọng trong đời sống văn hóa tinh thần của nhân dân các dân tộc, trong đó điển hình có:

Tết Nguyên đán (từ mùng 1-3 tháng giêng âm lịch) là ngày lễ lớn nhất trong năm. Công việc chuẩn bị để đón mừng 3 ngày Tết được các gia đình tổ chức chu đáo và bắt đầu từ nhiều ngày trước. Nhiều gia đình dành dụm suốt năm để có tiền tiêu trong dịp Tết. Không khí Tết rộn ràng từ những ngày cuối năm, người ta sửa sang nhà cửa, trang

trí cành đào, cành mận, câu đối Tết trên bàn thờ tổ tiên và mổ lợn, thịt gà, làm bánh chưng, bánh gio và các loại bánh khảo, bánh phồng bằng đường mật, chè lam, vàng mã cho đêm giao thừa. Cả nhà, ai cũng hồi hộp chờ đợi thời khắc giao thừa đang đến, điểm lại thành quả năm qua và chuẩn bị bước vào năm mới; trên sân ngoài nhà, bà con cắm cây nêu. Khi bước sang thời khắc năm mới sau giao thừa, người Tày có tục lệ đi gánh nước mới ở mớ nước đầu làng hoặc suối với ý nghĩa bước khởi thủy năm mới tài lộc sẽ vào như nước, mọi sự trôi chảy, thuận hòa quanh năm. Sang ngày mùng 1 Tết, mọi người trong nhà vui vẻ, quây quần ăn cơm. Từ mùng 2 trở đi, mọi người thăm người thân, chúc Tết vui vẻ. Chiều mùng 3 hóa vàng, bầm báo tổ tiên, kết thúc Tết Nguyên đán. Đây là dịp con cháu, họ hàng về sum họp, hội ngộ đông vui nhất, kể cả những người làm ăn ở nơi xa cũng về nhà đón Tết. Tại thôn Nà Lại, từ ngày 7 đến ngày 9 tháng giêng còn có đoàn đi hát giả họ (bà họ) đến từng nhà từ Nà Tậu đến Kẹm Sáo với nội dung mời bà về phù hộ cho mọi điều súi quẩy theo năm cũ đi, những điều may mắn theo năm mới đến.

Ngày 10 tháng giêng tại Nà Lại có hội Lồng Tồng - là lễ hội xuống đồng đầu năm mới. Lễ hội cầu chúc một năm mới thịnh vượng, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu và cũng là dịp già làng, trưởng bản, nam thanh nữ tú gặp mặt, tổ chức các cuộc thi đấu, trò chơi dân gian vui đón năm mới, khắc sâu tinh thần đoàn kết cộng đồng, giữa nhân dân các dân tộc trong và ngoài xã. Lễ hội gồm có 2 phần: phần lễ và phần hội. Phần lễ thực hiện nghi thức cúng thần linh, thổ địa với ước mong thần linh phù hộ

độ trì cho nhân dân trong thôn bản sống yên lành, mạnh khỏe, cầu cho mùa màng bội thu; lễ dâng lên thần linh thường là mâm bánh, hoa quả, thịt lợn và một con gà luộc thấp hương. Phần hội là các trò chơi dân gian như ném còn giao duyên trai, gái; thi ném còn qua vòng tròn có dán giấy bạc, giấy hồng ai ném thủng vòng tròn thì được thưởng. Hội xuân lồng tồng còn gọi là dịp chợ xuân, bán các mặt hàng hoa quả, bánh trái các loại do nhân dân địa phương làm ra.

Tết ngày 30 tháng giêng còn gọi là tết “Đắp nợ”. Theo phong tục truyền thống, người Tày thường đi chơi hết tháng giêng, từ nhà này đến nhà khác, bản này đến bản khác. Sau đó quay lại nhà mình “ăn Tết lại” để đánh dấu kết thúc tháng ăn Tết, kết thúc cuộc vui, bắt đầu vào một mùa lao động mới. Tết “Đắp nợ” được tổ chức là dịp gặp gỡ giao lưu của các gia đình, dòng họ đồng thời có ý nghĩa nhắc nhở mọi người cùng phấn đấu lao động, sản xuất cần cù trong vụ mùa mới, con cháu chăm chỉ học tập, lao động.

Tết Thanh minh, còn gọi là Tết “Bươn slam, so slam”, tổ chức vào ngày mùng 3 tháng 3 âm lịch hằng năm. Tết này, người dân làm xôi cẩm và xôi nhiều màu sắc, thịt gà, lợn, hương hoa, giấy tiền đi tảo mộ, tảo lòng thành kính tổ tiên, những bậc tiền bối đã khuất. Thanh minh được mọi người quan tâm về quê báo hiếu, “uống nước nhớ nguồn”, cầu mong tiên tổ ban phước lành, giàu sang, phú quý.

Tết Đoan Ngọ, tổ chức ngày mùng 5 tháng 5 (âm lịch), còn gọi là Tết giết sâu bọ, phòng trừ bệnh tật do

sâu bọ gây ra. Người dân thường làm bánh gio, rượu nếp cái, ăn quả mận đầu mùa, tẩm các loại lá đắng nên thuốc, như: lá đào, lá kim ngân để tránh rôm sảy, mẩn ngứa... lấy nụ vôi về luộc phơi khô để uống, làm cho con người khỏe mạnh chống chọi được thời tiết nắng gắt, khắc nghiệt của mùa hè.

Tết Rằm tháng bảy còn gọi là Tết Trung nguyên, tổ chức vào ngày 14 và 15 âm lịch hàng năm, là ngày tết lớn thứ hai sau tết Nguyên đán. Người dân làm bánh gai có trộn củ chuối rừng, lá cây gai, quả chuối phơi khô, làm bánh chung nhân cá chép. Có gia đình khá giả thì mổ lợn để ăn hoặc chung nhau. Tết Rằm tháng bảy cũng là dịp để các đôi vợ chồng, con cái mang theo lễ vật về thăm bên ngoại tỏ lòng biết ơn ông bà, các cụ ngoại.

Tết cơm mới thường được tổ chức vào ngày 15 tháng 8 âm lịch hàng năm. Mỗi gia đình mang liềm, đòn gánh ra đồng, gặt lấy bốn khóm lúa mang về buộc ở miệng nồi cơm và ở bốn góc bếp. Bữa cơm có thịt gà, thịt vịt, xôi trám đen và đặc biệt là phải có một cháo rau với vài con ốc. Sau khi dùng cơm, gia chủ lấy 4 vỏ ốc chôn vào 4 góc lò bếp mang ý nghĩa tượng trưng cho bốn bịch thóc đầy.

Trang phục truyền thống: Nhìn chung trang phục truyền thống của nhân dân Đại Sảo được làm từ vải bông nhuộm chàm nên trang phục mang màu chủ đạo là màu chàm. Nam giới trước đây thường để tóc dài vấn thành búi, ngày thường chỉ mặc áo đơn, khi tham dự lễ hội thì mặc áo kép, bên trong màu trắng, bên ngoài áo the đen, quần trắng, đầu đội khăn xếp hoặc khăn quần băng nhiều

hồng dài khoảng 2 mét. Phụ nữ thường mặc áo dài đen, thắt lưng bằng vải đen hàng ngày, vào ngày lễ hội cũng mang áo kép nhưng bên trong màu hồng nhạt, yếm trắng, tóc dài vấn ngang, đội khăn vuông hoặc chít khăn mỏ quạ, đeo vòng cổ, vòng tay bằng bạc.

Tục cưới hỏi: Theo phong tục truyền thống, hôn nhân của con cái thường do cha mẹ sắp đặt, ngày nay, nam nữ được tự do tìm hiểu trước khi tiến tới hôn nhân. Để tiến tới lễ cưới, bắt buộc phải trải qua 2 nghi lễ chính là lễ dạm (tham lù) và ăn hỏi (chín hó). Lễ dạm do nhà trai nhờ ông mối (pò mối) là người có địa vị trong dòng họ, biết cách ứng xử và một người con trai vị thành niên mang lễ đến nhà gái. Lễ vật gồm gà, rượu, gạo. Buổi tối đó nhà gái dùng lễ vật này để làm cơm đãi khách. Trong buổi gặp mặt ấy, nhà trai chính thức ngỏ lời để làm các thủ tục tiến tới lễ cưới. Nhà gái sẽ trao cho nhà trai lá số tử vi của người con gái để so tuổi xem có hợp nhau không. Nếu hợp thì các thủ tục tiếp theo sẽ được tiến hành bằng lễ ăn hỏi. Lễ ăn hỏi, đúng hẹn nhà trai đưa đến nhà gái đủ số lễ vật theo yêu cầu, thông thường gồm: gà, rượu, bánh chưng, gạo. Nhà gái dùng số lễ vật này làm cỗ, mời những người thân thích đến dự và quyết định các công việc đám cưới. Trong đám cưới, hai gia đình dùng thơ đối đáp nhau, nội dung những bài thơ chủ yếu mang ý nghĩa khuyên bảo con cháu giữ gìn đạo hiếu với cha mẹ, ông bà, tổ tiên.

Tục ma chay: Tang ma là nghi lễ cuối cùng trong cuộc đời mỗi con người trước khi bước vào thế giới mới mà theo phong tục truyền thống người Tày gọi là

Mường Phạ - một thế giới siêu thực, huyền bí nhưng đã ăn sâu vào trong tâm thức và trở thành tập tục, chi phối đời sống xã hội của đồng bào các dân tộc ở Đại Sảo. Với quan niệm, người đã khuất khi về trời vẫn có tất cả những nhu cầu như ở trần gian. Vì vậy, khi người thân qua đời, ai cũng muốn làm đầy đủ các thủ tục cổ truyền vì “nghĩa tử là nghĩa tận”, phải cung cấp đầy đủ mọi thứ, đủ mọi nghi lễ cho hồn người chết được thỏa mãn, yên lòng ở thế giới bên kia. Từ đó mà phù hộ cho con cháu mạnh khỏe, làm ăn phát đạt.

Phong tục tế lễ: Theo quan niệm cổ xưa không chỉ riêng ở Đại Sảo mà khắp mọi miền Tổ quốc, mọi vật do tạo hóa sinh ra đều có linh hồn, mỗi loại vật, kể cả khoáng vật, thực vật cũng có cuộc sống riêng của nó, mọi vật trong tạo hoá hữu hình hay vô hình, cụ thể hay trừu tượng đều mang khái niệm âm dương. Phong tục tế lễ từng rất thịnh hành trong đời sống tâm linh của nhân dân các dân tộc Đại Sảo, đến ngày nay chỉ còn lại vài dấu vết trong phong tục. Điển hình là việc mời thầy cúng về nhà làm lễ. Thầy cúng ở Đại Sảo có 3 kiểu. Tại thôn Bằng Tộc có thầy Then với những bài cúng tế bằng cả tiếng Tày lẫn tiếng Kinh, nội dung chủ yếu là khuyên bảo con người ăn ở hiền lành, có đạo đức. Ở thôn Nà Lại và thôn Sáo có thầy Pụt và thầy Tào. Thầy Pụt với những bài cúng tế bằng tiếng Tày mang nội dung chủ yếu về mối quan hệ giữa con người với giới thần linh, răn dạy con người sống phải giữ đạo hiếu với ông bà, cha mẹ. Thầy Tào cúng tế bằng tiếng Hán nhưng được cải biên cho phù hợp với văn hóa của đồng bào, nhân dân.

Đạo thờ cúng ông bà tổ tiên, thờ những người có công với làng, nước: Cũng như nhiều vùng quê khác, việc xây dựng cuộc sống cộng đồng ở Đại Sảo luôn gắn liền với đời sống cộng đồng là đơn vị làng, bản. Đó là nơi chôn rau cắt rốn, là nơi nuôi dưỡng, chở che, giáo dục cho mọi thế hệ người dân Đại Sảo. Chính vì vậy, để bảo vệ sự bình yên của thôn, bản, duy trì tục lệ, cũng như nề nếp, gia phong, các làng bản ở Đại Sảo đều có Quy ước. Quy ước của các làng bản tuy có những những nét riêng, nhưng đều có đặc điểm chung là việc thờ phụng các thần linh trong làng. Lại có những điều quy định về an ninh thôn bản, cưới xin, ma chay. Việc con cháu phải hiếu thảo, phụng dưỡng cha mẹ, ông bà, cha mẹ phải dạy bảo con cái... cũng được quy định rất chi tiết. Xưa kia, người dân thường sống khép kín theo từng làng, bản. Việc lưu giữ, duy trì các khế ước có mặt chặt chẽ, thuận tiện. Bởi vậy, dù trong xã có chợ nhưng nhân dân không bị ảnh hưởng lớn bởi lối sống “chợ búa”, làm thay đổi truyền thống địa phương. Đây là một điều rất đáng ghi nhận, biểu hiện truyền thống, bản sắc văn hóa tốt đẹp của người Đại Sảo từ xưa đến nay.

Đại bộ phận nhân dân Đại Sảo lấy đạo thờ cúng tổ tiên làm tín ngưỡng chính. Ngoài tục thờ cúng tại nhà, người dân Đại Sảo còn thờ cúng tại các nhà thờ của dòng họ mình để hướng về nguồn cội, thờ cúng các vị thần theo tín ngưỡng dân gian, các anh hùng dân tộc... Các hình thức tín ngưỡng này thể hiện sự tri ân của người dân với những người có công với dân, với nước, thể hiện đạo lý “uống nước nhớ nguồn”.

2. Truyền thống lịch sử, văn hóa

Khi xưa, xã Đại Sảo chỉ có rừng núi, cây cối rậm rạp, um tùm, các loài thú dữ rất nhiều nên từ khi khai phá rừng, đào núi lập làng cho đến nay, bao thế hệ nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo không những phải đấu tranh bền bỉ với thiên nhiên khắc nghiệt, mà còn phải chống chọi với thiên tai địch họa để tồn tại và phát triển. Trong quá trình ấy, nhân dân đã phải bồi đắp, sáng tạo ra nhiều giá trị vật chất, tinh thần phong phú, góp phần hình thành nên sắc thái văn hóa riêng của mình. Ngày nay, dù đi đâu, về đâu, nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo vẫn luôn tự hào về những truyền thống quý báu mà thế hệ cha ông đã hun đúc từ hàng trăm năm trên mảnh đất quê hương mình.

Truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm: Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân Đại Sảo đã trải qua nhiều cuộc chiến đấu chống giặc ngoại xâm để bảo vệ cuộc sống bình yên, lao động sản xuất, xây dựng quê hương. Là vùng đất có chiều dài lịch sử, đã trải qua nhiều cuộc chiến tranh bảo vệ quê hương, thấm sâu trong tâm hồn, cốt cách của người dân Đại Sảo là lòng yêu quê hương đất nước, tình yêu thương con người. Đức tính ấy được hình thành ngay từ buổi đầu cư dân đến đây mở đất lập làng. Trải qua nhiều thế hệ, đức tính ấy được nuôi dưỡng, phát triển, hun đúc thành truyền thống quý báu của người dân ở đây.

Trong lịch sử dựng nước và giữ nước, nhân dân Đại Sảo nói riêng và nhân dân Chợ Đồn nói chung đã có nhiều đóng góp quý báu, qua đó đã làm nên những trang sử hào hùng của dân tộc. Truyền thống chống ngoại xâm đã ăn

sâu vào tiềm thức mỗi người dân Đại Sảo. Truyền thống đó được phát huy gấp bội khi nhân dân được Đảng Cộng sản Việt Nam tổ chức, lãnh đạo trong 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ, trong thời kỳ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc. Qua đó, đã góp phần tạo thành sức mạnh lật đổ ách đô hộ, thống trị của thực dân phong kiến, đánh đuổi kẻ thù khỏi bờ cõi, mang lại độc lập, tự do cho đất nước. Trong kháng chiến chống Pháp, Đại Sảo là xã duy nhất trong huyện có một điểm canh tại bản Nà Đẻ, duy trì đến hết năm 1949, sau khi thực dân Pháp rút quân khỏi Bắc Kạn mới bỏ điểm canh. Trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước, khi đón các cơ quan Nhà nước về sơ tán, nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo đã hiến đất, hiến của để xây dựng lán trại, hết sức hết lòng bảo vệ và che chở. Hàng trăm thanh niên không tiếc tuổi xuân lên đường đi đánh giặc, hàng trăm tấn lương thực - thực phẩm được người dân tích góp đưa ra chiến trường, góp phần vào thắng lợi chung của cả nước trong 2 cuộc kháng chiến, đem lại độc lập, tự do cho quê hương, cho đất nước.

Truyền thống lao động cần cù thông minh, sáng tạo:
Từ khi khai hoang mở đất, những cư dân đầu tiên đã chọn những thung lũng có vị trí đất tương đối bằng phẳng để dựng làng, dựng bản. Điều này có mặt tích cực là thuận tiện cho sinh hoạt, nhất là nguồn nước nhưng vào mùa khô nhiều lúc nước xuống thấp, sản xuất nông nghiệp thiếu nước trầm trọng, mùa mưa đối diện với lũ lụt, ngập úng. Là vùng quê nông nghiệp nhưng ở Đại Sảo người dân chỉ cấy được vụ mùa là chính, vụ chiêm cấy được ít, năng suất lại không cao, thêm vào đó lại thường xuyên đối diện

với thiên tai. Đất đai ở Đại Sảo nhiều đồi núi, manh mún gây khó khăn nhất định cho sản xuất nông nghiệp. Vượt lên những khó khăn, thử thách của thiên nhiên, từ xưa nhân dân các dân tộc Đại Sảo đã phát triển một nền nông nghiệp phong phú về sản vật. Có thể nói, quá trình trồng lúa nương ở đây là quá trình đấu tranh với thiên nhiên khắc nghiệt, những mùa bão giông, những khi nắng cháy, bất kể lúc nào cũng có thể đe dọa miếng ăn của người dân. Từ bao đời nay, chiếc cày, con trâu... đã trở thành người bạn của mỗi người dân, mỗi gia đình. Chính trong điều kiện ấy, càng rèn luyện thêm ý chí, nghị lực cho bao thế hệ người Đại Sảo. Đó là tinh thần vượt khó, tính kiên trì, sự lạc quan trong lao động sản xuất.

Truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau: Từ xa xưa nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo vốn đã có truyền thống đoàn kết, hỗ trợ lẫn nhau trong sản xuất và trong đấu tranh chống kẻ thù. Đó là tài sản vô giá giúp nhân dân các dân tộc xã Đại Sảo vượt qua muôn vàn khó khăn thử thách như khi phải đối mặt thú dữ, chế ngự thiên nhiên để lấy đất đai trồng trọt, tìm kế sinh nhai. Để làm được điều đó, họ phải đoàn kết, chung sức, chung lòng, sống quần cư thành làng, xóm, hình thành nên cuộc sống thôn bản...

Trong mỗi làng bản, truyền thống đoàn kết như được nhân lên gấp bội, mỗi thành viên của bản làng phải có trách nhiệm với công việc chung và với những thành viên khác trong cuộc sống hàng ngày cũng như khi gặp khó khăn, hoạn nạn... Hoặc khi trong làng có tai nạn, hỏa hoạn hay trộm cướp, tất cả mọi người đến ứng cứu, khi trong làng

có việc mừng, có người ốm đau... đều được dân làng đến chia sẻ, chúc tụng, thăm hỏi, động viên. Đặc biệt, qua việc ma chay, cưới xin, bà con chòm xóm sẵn sàng bỏ việc riêng để giúp đỡ nhau mà không tính công. Những nét đẹp đó luôn ăn sâu vào máu thịt con người Đại Sảo, từ người già cho đến trẻ em. Ngày nay, trong cơ chế thị trường, tình làng nghĩa xóm đã không còn như trước, tuy nhiên các thế hệ người dân các dân tộc xã Đại Sảo đã và đang có những biện pháp để cùng nhau gìn giữ và phát huy một cách tốt nhất những giá trị truyền thống tốt đẹp này.

Truyền thống hiếu học: Đại Sảo là mảnh đất có truyền thống hiếu học từ hàng trăm năm nay. Người dân Đại Sảo coi sự học là thiêng liêng, cao quý. Bởi vậy, dù số người đỗ đạt dưới chế độ phong kiến không nhiều, những người học thấp, ít chữ nghĩa vẫn được nhân dân và giới chức sắc trong làng xã kính nể. Nhiều người con vùng đất Đại Sảo đã theo học chữ hán, chữ quốc ngữ và đỗ đạt thành tài dưới chế độ phong kiến. Ngoài ra một số cụ đồ nho và nhiều cụ có khả năng dịch được sách, soạn thảo văn tế và câu đối.

Tiếp nối truyền thống tốt đẹp của các thế hệ ông cha, nền giáo dục trên đất Đại Sảo đến nay đã thu được nhiều kết quả tốt đẹp, nhiều người đỗ đạt thành danh và hàng chục con em hiện đang là sinh viên tại các trường Đại học, Cao đẳng trong cả nước.

Ngày nay, khi cả nước đang đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa, nhân dân các dân tộc Đại Sảo vẫn luôn tự hào về truyền thống văn hóa của mình. Những

truyền thống đó là di sản quý báu in đậm trong tiềm thức người dân nơi đây. Truyền thống đó còn là nguồn lực to lớn tạo nên sức mạnh góp phần cùng nhân dân cả nước làm nên thắng lợi vẻ vang của hai cuộc kháng chiến vì độc lập, tự do cho Tổ quốc, tiến lên xây dựng quê hương, đất nước ngày càng giàu đẹp, văn minh.

Chương II

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN ĐẠI SẢO ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN (1930-1945) VÀ KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1945-1954)

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ - CHÍNH TRỊ, VĂN HÓA - XÃ HỘI XÃ ĐẠI SẢO THỜI PHÁP THUỘC

Tháng 9/1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta tại cửa biển Đà Nẵng. Triều đình nhà Nguyễn đã hai tay dâng đất nước ta cho Pháp. Sau Hiệp ước Hác-măng và Hiệp ước Pa-tơ-nôt, nước ta trở thành thuộc địa của Pháp. Xã hội Việt Nam, từ chế độ phong kiến lạc hậu trở thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến. Nhân dân Đại Sảo cùng nhân dân cả nước phải sống trong cảnh nước mất nhà tan. Trong bối cảnh đó, những phong trào yêu nước, phong trào đấu tranh chống thực dân Pháp của nhân dân ta nổi lên ở khắp nơi. Điều đó cho thấy việc đánh mất nước ta vào tay giặc hoàn toàn không phải là vận mệnh lịch sử của dân tộc mà do sự nhu nhược, yếu kém, suy đồi của triều đình nhà Nguyễn. Các phong trào yêu nước của nhân dân ta diễn ra sôi nổi, rộng khắp, trong đó tiêu biểu phải kể đến như phong trào Cần Vương, khởi nghĩa Bãi Sậy, phong trào nông dân Yên Thế, phong trào Đông

Du, Đông kinh nghĩa thực... Tuy nhiên, các phong trào đều bị thực dân Pháp khủng bố, đàn áp đẫm máu và lần lượt rơi vào thất bại do chưa có đường lối, chủ trương đấu tranh đúng đắn.

Sau khi hoàn thành việc đánh chiếm Chợ Đồn, thực dân Pháp đã cho tiến hành xây dựng các đồn bốt, đặt ách cai trị ở đây, đồng thời tiến hành đàn áp phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Sau thời kỳ đánh chiếm và bình định, thực dân Pháp xây dựng một hệ thống bộ máy cai trị mạnh từ châu Chợ Đồn đến các xã để thực hiện các chính sách, thủ đoạn cai trị thâm độc. Từ đó, cùng cả nước, nhân dân Đại Sảo nằm trong hoàn cảnh chung của dân tộc, phải mang trên mình nỗi nhục của người dân mất nước, cuộc sống vô cùng cực khổ về mọi mặt.

1. Về chính trị

Nhằm duy trì sự áp bức, bóc lột nhân dân ta, thực dân Pháp thực hiện thủ đoạn “dùng người bản xứ để trị người bản xứ”, đồng thời thi hành chính sách “chia để trị”, chính sách “ngu dân” nhằm chia rẽ đoàn kết dân tộc. Cũng như nhân dân cả nước, nhân dân Đại Sảo phải chịu ách áp bức, bóc lột tàn bạo của chính quyền thực dân Pháp cũng như bè lũ phong kiến tay sai.

Từ khi hoàn thành xâm lược nước ta, thực dân Pháp cấu kết chặt chẽ với giai cấp địa chủ phong kiến. Cùng với đội ngũ quan lại Việt Nam, chúng thành lập chính quyền cai trị trên cả nước. Trong đó, thực dân Pháp nắm quyền cai trị đến cấp tỉnh, còn dưới các địa phương chúng dựng nên bộ máy tay sai đặt dưới quyền kiểm soát của chúng.

Tại Chợ Đồn, sau khi thành lập đơn vị hành chính cấp châu, thực dân Pháp dựng lên chính quyền tay sai người bản xứ. Đứng đầu là tri châu (trương đương với chức tri huyện ở miền xuôi). Ở các làng, xã có hội đồng kỳ mục gồm 3 đến 5 người gồm lý trưởng, phó lý và thủ bạ dưới còn một đội ngũ giúp việc gồm thư ký, thủ quỹ, trưởng bạ, trương tuần... Chúng ra sức mua chuộc những người đứng đầu các dòng họ lớn bằng cách phân công nắm giữ một số chức vụ trong chính quyền tay sai nhằm thuận tiện cho việc cai trị và bóc lột.

Với chính sách “chia để trị”, bên cạnh bộ máy tay sai, thực dân Pháp còn thành lập một hệ thống chính quyền riêng của người Dao. Đứng đầu cấp châu là quản chiêu và phó quản chiêu, cấp tổng là chánh mán, cấp xã là động trưởng. Chúng ra sức tuyên truyền cho bộ máy tay sai này như là một chính quyền tự trị của các dân tộc song thực chất, đó chỉ là thủ đoạn lừa bịp hòng làm sâu sắc thêm mâu thuẫn giữa các dân tộc.

Nhằm ngăn chặn và đàn áp các phong trào đấu tranh của nhân dân ta, thực dân Pháp không ngừng tăng cường tổ chức lực lượng vũ trang phản cách mạng. Chúng bố trí nhiều đồn, bốt với hàng trăm tên lính khố xanh được trang bị vũ khí, đạn dược ở khắp các xã. Lúc này, trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn ước tính có khoảng 800 tên lính được trang bị khí giới, hình thành mạng lưới đàn áp các phong trào đấu tranh ở địa phương.

Chính quyền bù nhìn do thực dân Pháp dựng lên ra sức những nhiễu, hạch sách dân lành bằng những mảnh

ruộng địa chủ phát canh người dân nhận đất cứ đến mùa là phải nộp tô lên tới khoảng 50-60% sản lượng.

Với tình hình sản xuất nông nghiệp lạc hậu, sản lượng thu hoạch hàng năm chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên nên nhiều năm thiên tai địch họa xảy ra thì nhiều hộ nông dân chẳng những không đủ ăn mà lại rơi vào cảnh nợ nần, túng quẫn. Hình thức phát canh thu tô quá nặng khiến cho nhiều nông dân dù quanh năm bán mặt cho đất, bán lưng cho trời nhưng đến khi nộp tô xong lại rơi vào cảnh trắng tay, tình trạng thiếu đói diễn ra thường xuyên.

Cùng với việc bị bóc lột lao động bằng tô, tức, người dân Đại Sảo cũng như người dân lao động cả nước còn bị bóc lột nặng nề bởi sưu cao thuế nặng. Dưới chế độ thực dân phong kiến phản động, người dân lao động phải gánh chịu hàng trăm thứ thuế vô lý như thuế đánh vào đầu người - thuế thân, thuế điền, thuế thổ canh, thổ cư, thuế đường, thuế chợ... Hàng năm còn phải nộp thuế cho ngân sách tỉnh, ngân sách xứ, có năm còn phải nộp ngân sách Đông Dương. Có những gia đình vì không có tiền đóng thuế phải bỏ làng, bỏ bản trốn vào rừng để sinh sống.

Ngoài vơ vét về kinh tế, chúng còn bắt nhân dân ta đi phu phen, tạp dịch, xây đồn bốt, trạm gác, đào đắp đất đá... Việc đó diễn ra thường xuyên khiến gánh nặng ngày càng gia tăng lên cuộc sống vốn đã cơ cực, bần cùng của những người dân lao động trong vùng.

Đến năm 1940, khi phát xít Nhật nhảy vào Đông Dương thì thực dân Pháp đã cùng với chúng vơ vét, bóc

lột nhân dân ta đến cùng kiệt, người dân Việt Nam lúc đó phải sống trong tình cảnh “một cổ hai tròng”. Chính sách bóc lột dã man của thực dân Pháp và phát xít Nhật đã gây nên nạn đói năm 1945 làm cho hơn 2 triệu đồng bào chết đói trên cả nước.

Người dân lao động cả năm cực khổ mà vẫn không đủ suất sưu cùng hàng trăm thứ thuế khác. Nhiều gia đình lâm vào cảnh “bán vợ đợ con”, tình cảnh đó làm cho người nông dân bị lâm vào con đường bán cùng hóa. Nhiều gia đình năm nào cũng thiếu ăn, phải đào củ mài, củ ấu, thậm chí phải đào cả củ nâu non về trộn với gạo để ăn, nhiều người phải bỏ xứ đi tha phương cầu thực ở khắp nơi nhưng dù đi đến đâu thì cái đói, cái nghèo vẫn chẳng buông tha họ.

3. Về văn hóa - xã hội

Không chỉ bị kìm kẹp về chính trị, áp bức về kinh tế, người dân Đại Sảo còn bị chính quyền thực dân phong kiến giam hãm trong sự ngu dốt và lạc hậu nhằm dễ bề thực hiện chính sách cai trị của mình trên đất của người bản xứ. Thực dân Pháp luôn tự xưng là mẫu quốc, là kẻ đi khai hóa văn minh, nhưng trên thực tế ở các nước thuộc địa, chúng lại thi hành chính sách “ngu dân” để dễ bề cai trị. Dưới chế độ thực dân phong kiến hà khắc, nhân dân Đại Sảo phải sống trong xã hội có đời sống văn hóa tinh thần vô cùng thấp kém. Trong công cuộc khai thác thuộc địa ở nước ta, thực dân Pháp cũng thi hành “đô hộ” về mặt văn hóa bằng nhiều chính sách cai trị nhằm cản trở sự phát triển của văn hóa.

Bên cạnh việc thực thi chính sách “ngu dân” nhằm để bề cai trị, thực dân Pháp và bọn phong kiến tay sai còn khuyến khích các tệ nạn xã hội như cờ bạc, rượu chè, mê tín dị đoan, ma chay, các hủ tục lạc hậu... Hậu quả của việc khuyến khích các tệ nạn làm cho tình hình xã hội lúc bấy giờ vốn đã nghèo đói lại thêm phần tăm tối. Tệ hại hơn, chúng đầu độc nhân dân ta bằng rượu cồn và thuốc phiện làm suy thoái nòi giống, đồng thời làm ru ngủ tinh thần đấu tranh của nhân dân ta, nhất là các tầng lớp thanh niên hồng bắt nhân dân ta cam chịu làm nô lệ suốt đời.

Về giáo dục, chính sách “ngu dân” mà thực dân Pháp thực thi trên quê hương Đại Sảo đã làm cho hơn 90% số người trong xã không biết chữ. Trong thời kỳ này, Đại Sảo không có trường dạy chữ quốc ngữ, chỉ có những gia đình khá giả mới có tiền thuê thầy đồ về dạy chữ Nho. Đến năm 1939, nhân dân trong xã đóng góp mở trường học đầu tiên ở Phiêng Cà gọi là trường “huong su”. Tuy nhiên, do phương pháp dạy và học không hợp lý nên hiệu quả chưa cao. Số người biết đọc, biết viết ở xã có thể đếm trên đầu ngón tay. Toàn xã chỉ có 4 gia đình thuộc diện khá giả là gia đình ông My, ông Tần, ông Bảo, ông Hưng được ra Đông Viên học trường hàng tổng.

Trình độ dân trí của xã thấp là nguyên nhân trực tiếp nảy sinh những hủ tục lạc hậu, bói toán, mê tín dị đoan. Thâm độc hơn chúng còn khuyến khích nhân dân tổ chức ma chay, cưới xin linh đình, mở bàn đèn thuốc phiện và các chiếu bạc... nhằm tha hóa mọi tầng lớp nhân dân, để nhân dân ta mù mịt trong vòng tối tăm mà quên đi lý tưởng

cao đẹp của mình là tự do và độc lập. Bên cạnh đó, thực dân Pháp còn đẩy mạnh tuyên truyền, kích động hồng chia rẽ đồng bào các dân tộc, phá hoại khối đại đoàn kết của toàn dân ta.

Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe của nhân dân rất hạn chế, hầu như chính quyền thực dân phong kiến không quan tâm. Cả châu Chợ Đồn chỉ có một thầy ký đốc tờ. Nhân dân trong xã chữa bệnh chủ yếu dựa trên kinh nghiệm dân gian, thầy lang chỉ chữa những bệnh thông thường. Chuyện ốm đau cũng như sống chết của người dân trong xã chủ yếu trông chờ vào số mệnh may rủi của mình. Nhiều người chỉ lễ bái, cầu cúng để xin với thánh thần, uống tàn nhang, nước tiểu để mong khỏi được bệnh. Cả xã không có nhà hộ sinh, phụ nữ khi sinh nở đều nhờ các bà đỡ ngay tại nhà nên tỷ lệ tử vong của trẻ em là rất cao, tình trạng “hữu sinh vô dưỡng” trở nên phổ biến. Nhiều dịch bệnh liên tiếp xảy ra như dịch tả, sốt rét... đã cướp đi tính mạng của nhiều người dân.

Tình hình an ninh trật tự, luôn trong tình trạng bất ổn, nạn trộm cướp xảy ra liên miên đã làm cho đời sống của nhân dân vốn không được ổn định lại ngày càng rối ren. Tính đến năm 1944, ở Đại Sảo mỗi thôn bản chỉ có vài nóc nhà dân, chủ yếu nhà cửa được lợp bằng rơm, vách tranh, tre, nửa lá đơn sơ, tuyền toàng. Đường làng, ngõ xóm hầu hết là lầy lội, vào mùa mưa, đi lại rất khó khăn, di chuyển thường là đi bộ, nhà nào khá giả đi bằng ngựa. Đại Sảo trở thành một vùng nông thôn khép kín về văn hóa, sự thống trị của hệ tư tưởng phong kiến cùng những

kìm kẹp của chủ nghĩa thực dân dã vẽ nên bức tranh tối tăm, mờ mịt của xóm làng trước Cách mạng tháng Tám.

Những luật lệ hà khắc, những chính sách cai trị tàn bạo cùng với sự bóc lột của thực dân Pháp và bè lũ tay sai khiến đời sống xã hội ở khắp các làng quê Việt Nam nói chung cũng như trên địa bàn xã Đại Sảo nói riêng ngày càng u ám. Đời sống nhân dân ngày càng cơ cực, lầm than. Chính bối cảnh đó làm cho mâu thuẫn xã hội ngày càng trở nên sâu sắc. Yêu cầu bức thiết mà lịch sử đặt ra lúc này là phải giải quyết những mâu thuẫn đó nhằm mở đường cho xã hội phát triển. Chỉ cần có một đường lối đấu tranh đúng đắn cùng với sự lãnh đạo của một đảng cách mạng chân chính, nhân dân Đại Sảo cũng như nhân dân của nhiều địa phương khác trên cả nước sẽ vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ, lật đổ chế độ thực dân phong kiến giành lấy độc lập tự do.

II. NHÂN DÂN ĐẠI SẢO THAM GIA ĐẤU TRANH GIÀNH CHÍNH QUYỀN TRONG CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945

Sau khi hoàn thành xâm lược Việt Nam, bằng nhiều biện pháp sử dụng trong cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất, thực dân Pháp chính thức bình định được nước ta. Những chính sách cai trị hà khắc của thực dân Pháp trên tất cả các phương diện đã làm cho mâu thuẫn dân tộc giữa dân tộc Việt Nam và thực dân Pháp ngày càng gay gắt, khó có thể điều hòa được. Sự thất bại của phong trào Cần Vương và các phong trào yêu nước thời kỳ này đã dẫn đến

cuộc khủng hoảng sâu sắc về con đường cách mạng của nhân dân ta lúc bấy giờ.

Những năm 1919-1930 là thời kỳ tồn tại và cọ xát của hàng loạt các phong trào yêu nước theo những khuynh hướng khác nhau. Trong đó, nổi bật nhất là sự phát triển của phong trào yêu nước theo khuynh hướng vô sản và tư sản. Sự thất bại của khởi nghĩa Yên Bái đã đặt dấu chấm hết cho vai trò lịch sử của giai cấp tư sản Việt Nam. Đồng thời, sự ra đời của 3 tổ chức cộng sản năm 1929 đã cho thấy bước phát triển nhảy vọt của cách mạng nước ta, chứng tỏ hệ tư tưởng giai cấp vô sản đã giành được ưu thế tuyệt đối trong phong trào cách mạng nước nhà thời kỳ này. Điều kiện thành lập một chính đảng vô sản đã chín muồi, tạo cơ sở quan trọng cho sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Đến giai đoạn này, lịch sử ghi nhận sự xuất hiện của Nguyễn Ái Quốc - người có tầm ảnh hưởng vĩ đại đối với cách mạng Việt Nam. Mùa xuân năm 1930, Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, chấm dứt thời kỳ khủng hoảng về đường lối cách mạng ở nước ta, đồng thời mở ra thời kỳ mới trong lịch sử dân tộc. Đó là một sự kiện lịch sử trọng đại, đánh dấu bước ngoặt vĩ đại của cách mạng nước ta. Ngay khi mới thành lập, Đảng ta đã giương cao ngọn cờ giải phóng dân tộc, lãnh đạo mọi tầng lớp nhân dân đứng lên giành độc lập tự do từ tay đế quốc thực dân và phong kiến.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Đảng phong trào cách mạng lên cao trong cả nước, bắt đầu là cao trào trong những năm 1930-1931 với đỉnh cao là Xô

Viết - Nghệ Tĩnh. Làn sóng cách mạng dâng cao trong cả nước đã có tác dụng cổ vũ mạnh mẽ tinh thần cách mạng của nhân dân các dân tộc Bắc Kạn.

Hưởng ứng tinh thần của Xô Viết Nghệ - Tĩnh, một làn sóng đấu tranh mới của thời kỳ 1936-1939 đã diễn ra quyết liệt. Từ các phong trào ở Bắc Giang, Bắc Ninh, Thái Nguyên... những tin tức đã được đưa về với nhân dân trong tỉnh. Bước vào mùa thu năm 1939, nguy cơ của Chiến tranh thế giới thứ II đã cận kề, Chính phủ Pháp ngày càng thiên về cánh hữu. Bọn thống trị ở Đông Dương cũng ngày càng thay đổi thái độ với phong trào đấu tranh của nhân dân ta. Trước tình hình đó, Đảng đã có những chủ trương, chuẩn bị đối phó khi tình hình có những chuyển biến. Tất cả những sự kiện trên đều ảnh hưởng đến nhân dân các dân tộc ở Bắc Kạn. Tuy nhiên, tình hình ở Chợ Đồn vẫn còn nhiều khó khăn. Trên địa bàn huyện có mỏ kẽm quan trọng, tập trung đông công nhân; do đó thực dân Pháp tăng cường cao độ bộ máy đàn áp. Mặt khác, Chợ Đồn lại nằm sâu trong vùng núi non hiểm trở, giao thông khó khăn nên phong trào cách mạng ở các địa phương khác chưa thể trực tiếp đến với nhân dân trong huyện. Giai đoạn này, một số phong trào cách mạng của huyện Chợ Đồn phát triển sớm đều hoạt động một cách thận trọng và kín đáo.

Cũng như nhiều địa phương khác ở thời kỳ 1936-1939 phong trào đấu tranh đòi dân sinh, dân chủ của Đảng ít nhiều có ảnh hưởng đến tư tưởng nhân dân Đại Sảo. Tuy nhiên, sự ảnh hưởng ấy mới chỉ dừng lại ở những hành động mang tính tự phát, chưa đủ điều kiện để tạo nên

phong trào quần chúng tự giác sâu rộng. Mặt khác, trên địa bàn lúc này chưa có tổ chức Đảng đóng vai trò lãnh đạo phong trào cách mạng nên các phong trào của nhân dân địa phương còn nhiều hạn chế.

Trước tình hình có những biến đổi mau lẹ, ngày 28-1/1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc trở về nước trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam. Sau một thời gian nghiên cứu kỹ tình hình cách mạng trong nước, tháng 5-1941, đồng chí Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 tại Pác Bó (Cao Bằng). Hội nghị đã xác định cuộc cách mạng trước mắt là “Cách mạng dân tộc giải phóng” và chủ trương tạm gác khẩu hiệu “Đánh đổ địa chủ, chia ruộng cho dân cày” thay bằng khẩu hiệu “Tịch thu ruộng đất của bọn đế quốc và Việt gian chia cho dân cày nghèo, thực hiện giảm tô, giảm tức”. Bên cạnh việc xác định nhiệm vụ của cách mạng cả nước thì Hội nghị quyết định thành lập Mặt trận Việt Nam độc lập Đồng minh (gọi tắt là Mặt trận Việt Minh), nhằm tập hợp các hội cứu quốc của mọi tầng lớp nhân dân. Hội nghị lần thứ 8 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng cộng sản Đông Dương đã hoàn chỉnh sự chuyển hướng chỉ đạo chiến lược cách mạng thời kỳ 1939-1945. Những tư tưởng và đường lối đó có ý nghĩa quyết định chiều hướng phát triển của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở nước ta, đưa đến thắng lợi chung cuối cùng của Cách mạng tháng Tám năm 1945.

Dưới ánh sáng của Hội nghị Trung ương Đảng lần thứ 8 (tháng 5/1941), phong trào cách mạng tại các châu,

huyện của tỉnh Bắc Kạn bắt đầu có những chuyên biến mau lẹ. Để thuận tiện cho công tác liên lạc giữa Cao Bằng với Bắc Sơn - Võ Nhai, đồng chí Nguyễn Ái Quốc chỉ thị “xây dựng những con đường quân chúng” tức là những cơ sở cách mạng mới để nối liền các trung tâm cách mạng với nhau. Thực hiện chỉ thị của Nguyễn Ái Quốc, Ban xung phong Nam tiến được thành lập với hạt nhân là Chi bộ Nam tiến gồm những cán bộ hăng hái, nhiệt tình, có nhiều kinh nghiệm hoạt động cách mạng.

Bước sang năm 1943, tình hình thế giới và trong nước có những chuyên biến tích cực, thuận lợi cho phong trào cách mạng phát triển, đặc biệt là phong trào cách mạng ở các căn cứ địa. Sau cuộc hội nghị của các đồng chí lãnh đạo tổng bộ Việt Minh, Liên tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng và Cứu quốc quân, 19 đội Nam tiến xuất phát từ Cao Bằng tiến xuống Bắc Kạn. Đồng chí Nông Văn Quang phụ trách đoàn cán bộ tiến vào phía đông huyện Chợ Đồn nhằm tuyên truyền, giác ngộ cách mạng cho nhân dân các dân tộc. Mùa hè năm 1943, một số cán bộ Nam tiến đã tiến sâu vào địa bàn huyện Chợ Đồn, xây dựng nhiều cơ sở cách mạng ở các vùng cư trú của đồng bào Dao tại Đông Viên, Rã Bản, Quang Bạch, Bản Thi, Bằng Lũng, Nghĩa Tá... Cơ sở cách mạng trong đồng bào Dao nhanh chóng phát triển thành một hệ thống liên hoàn trên hầu khắp khu vực Cao - Bắc - Lạng. Khắp các địa phương đều có Hội Cứu quốc của Mặt trận Việt Minh. Một số người trong bộ máy chính quyền địch ở cơ sở cũng được tuyên truyền và giác ngộ cách mạng.

Nhằm ngăn chặn sự lan rộng của phong trào xây dựng cơ sở cách mạng, lúc này, bộ máy chính quyền cai trị ở Đại Sảo thực thi nhiều thủ đoạn như tuyên truyền lệch lạc, bóp méo sự thật về hình ảnh người chiến sĩ cộng sản với các luận điệu xuyên tạc, khủng bố hồng làm xấu hình ảnh cách mạng trong suy nghĩ của đồng bào dân tộc. Bên cạnh đó, năm 1943, chúng tiến hành cắt cử lính canh tuần tra ngày đêm trên các tuyến đường trọng yếu trên địa bàn. Ngoài ra, chúng bắt tất cả những gia đình có súng, kíp hỏa mai đều phải đi canh điểm, đồng thời treo thưởng bằng muối, tiền bạc, chức vụ... cho những ai bắt được cán bộ cách mạng.

Bất chấp sự khủng bố gắt gao của kẻ thù, phong trào cách mạng ở các địa phương trong tỉnh Tuyên Quang, Thái Nguyên... ngày càng sôi nổi, nhất là sau khi toàn bộ lực lượng Cứu quốc quân II rút về hoạt động, căn cứ cách mạng mọc lên ở nhiều nơi, nhất là tại vùng địa giới giữa các huyện, tỉnh. Tình hình này đã tạo thêm điều kiện thuận lợi thúc đẩy phong trào cách mạng ở các xã thuộc Chợ Đồn.

Tháng 8/1943, một Tổ Cứu quốc do đồng chí Hoàng Thượng, Nhất Quý lãnh đạo dưới sự hướng dẫn của ông giáo Chính đã tiến thẳng vào Chợ Đồn, xây dựng cơ sở cách mạng trong đồng bào Dao ở bản Bảng (Nghĩa Tá). Bị kìm hãm dưới chế độ thực dân - phong kiến, nay được ánh sáng cách mạng soi rọi, được cán bộ của Đảng, Mặt trận Việt Minh tuyên truyền, giác ngộ nên đồng bào các dân tộc Chợ Đồn đã hăng hái, nhiệt tình đi theo cách mạng.

Từ một cơ sở cách mạng ở bản Bả, cơ sở cách mạng nhanh chóng lan ra hàng chục chòm, xóm người Dao ở Đại Sảo. Đến tháng 9/1943, hầu hết đồng bào Dao ở Đại Sảo đều gia nhập Hội Việt Minh. Khí thế cách mạng lên cao lôi cuốn cả một số chánh mán, động trưởng và quản chiều cũng đi theo Việt Minh.

Trên địa bàn xã lúc này, cán bộ Việt Minh tích cực đi vào quần chúng, giải thích cho quần chúng hiểu rõ về điều lệ của Mặt trận Việt Minh, tuyên truyền về quyền bình đẳng giữa các dân tộc. Nhiều bài thơ ca cách mạng bằng nhiều thứ tiếng dân tộc như “Việt Nam pua đạo nước” (Việt Nam đất nước ta), “Việt Minh fa giảng sâu” (Việt Minh ngũ tự kinh)... được phổ biến rộng rãi trong đồng bào. Từ đó, nhân dân các dân tộc phấn khởi, tin tưởng, hăng hái đi theo cách mạng, tích cực bảo vệ cơ sở cách mạng, bảo vệ cán bộ.

Trong khí thế cách mạng sôi nổi, tháng 12/1943, hội nghị gồm đại biểu Việt Minh các xã Đại Sảo, Đông Viên, Bả Lũng, Ngọc Phái được tổ chức để bầu ra Ban chấp hành Việt Minh Đề Thám. Sự ra đời của Ban Chấp hành Việt Minh đánh dấu bước phát triển mới trong phong trào cách mạng của Đại Sảo, đồng thời cũng có tác dụng đẩy mạnh phong trào cách mạng ở huyện Chợ Đồn.

Giữa lúc phong trào cách mạng của đồng bào các dân tộc đang dâng cao thì cơ sở cách mạng ở Chợ Rã bị lộ. Ngày 22/11/1943, địch đem quân khủng bố phong trào ở Cao Minh, mở đầu cho cuộc khủng bố của chúng trên toàn tỉnh Bắc Kạn. Tại Đại Sảo, cuộc khủng bố của địch

diễn ra muộn hơn so với các xã khác ở Chợ Đồn, song lại căng thẳng và khốc liệt hơn. Thực dân Pháp đặt thêm chức khán hộ, khán xã để kiểm soát người đi lại trong các bản, các ngã đường.

Ngoài ra, đầu năm 1944, thực dân Pháp thực thi chính sách dồn làng, tập trung dân theo kiểu “tắt nước bắt cá”, tất cả các gia đình đồng bào Dao sống du canh du mục phải chuyển về sinh sống trong các khu tập trung, chịu sự kiểm soát gắt gao của địch. Bản Nà Tấu thuộc thôn Nà Lại bị dồn về Khuai Van, bản Khuổi Đứa thuộc thôn Sáo bị dồn về Nà Dên, các bản Nà Ngà, Nà Đẻ, Nà Nhật bị dồn về hai bản Pài Linh và Bản Sáo.

Lợi dụng không khí khủng bố, bọn phản động tay sai ra sức vơ vét, cướp bóc tài sản, tiền của của đồng bào nhân dân. Cuộc khủng bố của địch đã gây không ít khó khăn cho hoạt động của các cơ sở cách mạng tại đây, cán bộ hoạt động bí mật ở địa bàn rất khó tiếp cận, giác ngộ đồng bào trong các khu tập trung, nhất là đồng bào dân tộc Tày. Thời gian này, hoạt động tuyên truyền, giác ngộ cách mạng chủ yếu được tiến hành ở một số bản như Khuổi Út, Khuổi Yếu và Thôm Pục của đồng bào Dao.

Từ trong cuộc đấu tranh chống khủng bố của địch, lập trường kiên định của cán bộ, nhân dân các dân tộc càng được thể hiện rõ nét. Bất chấp sự khủng bố gắt gao của kẻ thù, quần chúng giác ngộ đã hết lòng bảo vệ, che chở cán bộ. Khẩu hiệu “Bốn không”¹ được thực hiện triệt

1. Bốn không: không biết, không nghe, không thấy, không đầu hàng, đầu thú

để. Nhờ đó, những hành động khủng bố của thực dân Pháp tuy có gây khó khăn cho phong trào cách mạng ở địa phương nhưng không ngăn chặn được bước tiến mạnh mẽ của nó.

Bước sang năm 1944, nhìn chung, phong trào cách mạng của nhân dân Đại Sảo cũng như của nhân dân Chợ Đồn đã đạt được những kết quả khả quan. Hội nghị đại biểu Việt Minh toàn châu Chợ Đồn được tổ chức vào tháng 8/1944 đã khẳng định những chuyển biến mới cả về số lượng và chất lượng. Cơ sở Việt Minh đã phát triển rộng khắp toàn xã, lôi cuốn hàng trăm người tham gia.

Tháng 10/1944, Chủ tịch Hồ Chí Minh gửi thư kêu gọi toàn quốc chuẩn bị tổng khởi nghĩa. Hưởng ứng lời kêu gọi của Bác, Đại Sảo cùng các xã trên địa bàn toàn châu tích cực vận động quần chúng đóng góp lương thực, tiền bạc để gây quỹ khởi nghĩa. Cùng với đó là việc thành lập các đội tự vệ chiến đấu, trang bị vũ khí, tiến hành huấn luyện nhằm chuẩn bị cho tổng khởi nghĩa.

Năm 1945, tình hình chiến sự trên thế giới có nhiều biến chuyển theo chiều hướng có lợi cho cách mạng nước ta. Chiến tranh thế giới thứ II đang bước vào giai đoạn cuối, phe Đồng minh đã giành được những thắng lợi cơ bản trước phe phát xít. Ở châu Á, phát xít Nhật liên tiếp thất bại trên chiến trường châu Á - Thái Bình Dương, phạm vi chiếm đóng ngày càng bị thu hẹp lại.

Tại chiến trường Đông Dương, thực dân Pháp đang có những hoạt động nhằm chờ thời cơ, khi quân Đồng minh đổ bộ vào Đông Dương sẽ nổi dậy để tấn công quân

Nhật. Ngày 9/3/1945, Nhật đảo chính Pháp, chiếm Đông Dương. Chúng lập nên Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim và tuyên bố trao trả độc lập cho Việt Nam hòng lừa bịp nhân dân ta, tạo nên sự hỗn loạn về chính trị, xã hội. Đây chính là thời cơ cách mạng đối với Đảng và nhân dân ta để giành chính quyền. Bằng nhiều hoạt động khác nhau, Đảng ta đã ra sức đẩy mạnh phong trào yêu nước, nhanh chóng tuyên truyền nhằm thức tỉnh, khơi dậy niềm tự hào và tự tôn dân tộc.

Trên cả nước, sau ngày đảo chính Pháp thành công, phát xít Nhật ráo riết thi hành chính sách thống trị phát xít, tiếp tục âm mưu đầu độc, lừa bịp nhân dân để dễ bề vơ vét nhân tài, vật lực, củng cố chỗ đứng cho chúng. Chúng tăng cường đàn áp, lùng bắt cán bộ, những người không phải là Việt Minh nhưng khi bắt được chúng cũng tra tấn dã man. Ở các địa phương, Nhật vẫn duy trì bộ máy tay sai ở hương thôn như thời Pháp thống trị. Nhưng thời điểm này, chúng đã đổi đội tuần vũ đứng trước đây thành các đội Bảo an binh. Xây dựng lực lượng này, thực dân Pháp hy vọng có thể dựa vào chúng để củng cố thế và lực của mình ở hương thôn, phục vụ tốt cho chính sách vơ vét của cải, tài nguyên của nhân dân ta.

Trước những hành động của Nhật, ngày 12/3/1945, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra Chỉ thị: “Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta”, nội dung chủ yếu của bản Chỉ thị: Xác định kẻ thù chính, cụ thể, trước mắt và duy nhất của nhân dân Đông Dương là phát xít Nhật. Phát động cao trào kháng Nhật, cứu nước mạnh mẽ làm tiền đề cho cuộc khởi nghĩa.

Tại tỉnh Bắc Kạn, dù đến trung tuần tháng 3/1945 vẫn chưa có tên lính Nhật nào xuất hiện nhưng sau khi nghe tin về cuộc đảo chính của phát xít Nhật ở Đông Dương thì bộ máy cai trị của thực dân Pháp ở đây đã bị tê liệt. Binh lính Pháp hoảng loạn bỏ chạy khỏi thị xã, bọn quan chức dân sự một số thì bỏ trốn, một số cố bám trụ chờ Nhật đến để đầu hàng.

Trước tình hình đó, mặc dù chưa nhận được chỉ thị từ Trung ương Đảng song nhận rõ thời cơ thuận lợi để tiến hành khởi nghĩa giành chính quyền, Ban Thường vụ Tỉnh ủy Cao - Bắc - Lạng đã họp và ra quyết định:

- Đánh đổ chế độ thống trị của Pháp ở nông thôn, sau đó tùy thuộc vào hoàn cảnh thực tế của từng địa phương mà tiến hành thành lập chính quyền nhân dân từ cấp xã đến cấp tỉnh.

- Điều động cán bộ của đội tuyên truyền về phối hợp với các đội vũ trang địa phương, tổ chức thêm các đơn vị quân giải phóng, chuẩn bị lực lượng chống phát xít Nhật.

- Tiến hành phá hoại giao thông, cản trở địch hành quân đồng thời thực hiện “vườn không nhà trống”, không để cho quân địch lợi dụng cơ sở vật chất và lương thực, thực phẩm của đồng bào ta.

- Với lực lượng quân Pháp bị phát xít Nhật đánh đuổi, phải tích cực kêu gọi họ đứng về phía ta, cùng ta lập mặt trận chung chống Nhật.

Quán triệt tinh thần Nghị quyết của Ban Thường vụ liên Tỉnh ủy, dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh ủy lâm

thời Bắc Kạn, Ban Chỉ huy Việt Nam tuyên truyền giải phóng quân, đồng bào dân tộc Đại Sảo cùng nhân dân cả châu Chợ Đồn nhất tề nổi dậy đấu tranh giành chính quyền, khí thế cách mạng dâng cao ở khắp nơi.

Do ảnh hưởng của phong trào giành chính quyền cách mạng ở nhiều nơi trong tỉnh và trong huyện, đặc biệt là ở Thị xã Bắc Kạn, Thái Nguyên dồn dập truyền về làm cho cán bộ, các tầng lớp nhân dân Chợ Đồn vô cùng phấn khởi. Ngày 28/3/1945, Hội nghị cán bộ, đảng viên hoạt động ở Chợ Đồn và Ủy ban Việt Minh châu Chợ Đồn được tiến hành. Hội nghị đã quyết định phát động quần chúng nổi dậy khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn châu.

Hưởng ứng tinh thần cách mạng, ngày 22/2/1945 (tức ngày 10 tháng giêng), tại hội Lồng Tồng ở thôn Nà Lại, những chiến sĩ hoạt động trong các cơ sở cách mạng ở Đại Sảo tập trung vận động quần chúng chuẩn bị cho khởi nghĩa giành chính quyền. Cuộc vận động đã thu hút đông đảo đồng bào dân tộc trong các làng, bản ở Đại Sảo tham gia.

Rạng sáng ngày 4/3/1945 (tức ngày 20 tháng Giêng), anh Hoàng Văn Canh thông báo nhân dân tập trung tại bản Nà Khảo trong ngày khai hội để nghe tuyên truyền về cách mạng, về phương pháp, mục đích đấu tranh. Địa điểm tại mảnh ruộng của hộ gia đình ông Lâm Văn Địch. Đến 8 giờ sáng cùng ngày, nhân dân trong xã đã tập trung đông đủ, cờ đỏ sao vàng được giương cao. Đoàn người biểu tình kéo từ thôn Nà Lại đến nhà quan phủ Thóc. Đây được chọn là nơi tiến hành vận động giao nộp vũ khí, bằng sắc, con dấu, triện ấn tiến tới tuyên bố

xóa bỏ ngục quyền. Bọn quan sai, thừa phái không dám chống cự, lần lượt xin đầu hàng cách mạng và bàn giao toàn bộ sổ sách, con dấu¹.

Ngày 4/3/1945, Ban Phụ trách khu Đại Sảo được thành lập, chính quyền lâm thời khu ra đời. Ông Hoàng Văn Tấn được bầu làm Trưởng ban, ông Hoàng Văn Nhật được bầu làm Phó ban đứng ra phụ trách mọi công việc trong khu. Cùng với đó, các ban ngành và nhiều đoàn thể cũng được thành lập, phụ trách các mặt khác nhau của đời sống xã hội trên địa bàn khu sau giải phóng như: Hội Việt Minh khu Đại Sảo do ông Hà Văn Hòa làm Chủ nhiệm, Hội Thanh niên tiên phong do anh Nguyễn Duy Tinh phụ trách, Hội Phụ nữ cứu quốc do chị Hà Thị Tương làm Hội trưởng. Các đoàn thể được thành lập đã thu hút đông đảo quần chúng nhân dân tham gia hoạt động.

Như vậy, kể từ khi cơ sở cách mạng đầu tiên được thành lập cho đến khi giành được chính quyền về tay nhân dân, phong trào cách mạng ở Đại Sảo mới trải qua một thời gian chưa đầy 3 năm. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi ấy, phong trào cách mạng ở Đại Sảo đã có những bước trưởng thành, phát triển nhanh chóng. Mặc dù chưa có tổ chức cơ sở Đảng ở địa phương nhưng với truyền thống yêu nước và lòng căm thù giặc sâu sắc, ngay từ những buổi đầu khi có cán bộ của Đảng về tuyên truyền, giác ngộ, nhân dân các dân tộc Đại Sảo đã một lòng tin tưởng và đi theo cách mạng.

1. Sau cuộc mít tinh, các cụ lớn tuổi vào nhà quan phủ thóc dùng cơm xong mới về.

Sau khi giành được chính quyền ở xã, nhiều thanh niên nam nữ mang theo vũ khí, tình nguyện gia nhập đoàn quân cách mạng để được tham gia chiến đấu, giải phóng quê hương. Những đóng góp của nhân dân các dân tộc Đại Sảo vào phong trào đấu tranh chung của toàn châu lỵ là rất to lớn, đưa đến thắng lợi chung của cao trào khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn tỉnh Bắc Kạn.

Trong quá trình đó, đồng bào các dân tộc Đại Sảo đã vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm, bất chấp sự khủng bố, đàn áp của kẻ thù, hết lòng bảo vệ cán bộ, bảo vệ cơ sở cách mạng. Sự ra đời của chính quyền cách mạng lâm thời ở Đại Sảo là một bước ngoặt to lớn trong đời sống của đồng bào dân tộc. Từ đây, nhân dân các dân tộc Đại Sảo thoát khỏi kiếp sống nô lệ, trở thành người làm chủ xã hội, làm chủ cuộc sống của mình. Trong niềm vui đó, nhân dân Đại Sảo quyết tâm đi theo Đảng, đi theo cách mạng, hoàn thành nhiệm vụ đấu tranh vì độc lập, tự do cho Tổ quốc mà trước mắt là chiến đấu và chiến thắng phát xít Nhật, bảo vệ thành quả cách mạng.

Tại Bắc Kạn, sau khi chiếm được thị xã ngày 17/3/1945, phát xít Nhật một mặt thi hành chính sách lừa bịp, mị dân, mặt khác chúng ráo riết hoạt động để mở rộng phạm vi chiếm đóng nhằm xóa bỏ vùng giải phóng của nhân dân ta. Cuối tháng 4/1945, phát xít Nhật đã đánh chiếm nhiều vị trí quan trọng về quân sự và chính trị ở tỉnh Thái Nguyên và Bắc Kạn. Đầu tháng 5, chúng đưa quân từ Phú Lương tiến lên Định Hóa, chiếm đóng Chợ Chu nhằm làm bàn đạp tiến quân chiếm đóng các xã thuộc Chợ Đồn.

Trước những hành động của Nhật, Ban Thường vụ Trung ương Đảng phát động một cao trào kháng Nhật sâu rộng trong cả nước. Thực hiện chủ trương của Đảng, Ủy ban cách mạng lâm thời huyện Chợ Đồn tích cực và chủ động chuẩn bị kế hoạch đối phó. Quán triệt chỉ thị của Trung ương Đảng, chủ trương của Ủy ban lâm thời huyện, chính quyền cách mạng lâm thời Đại Sảo khẩn trương tiến hành rà soát, chấn chỉnh lại lực lượng vũ trang địa phương, lập phương án chống địch, tổ chức tuyên truyền nhằm vạch trần các tội ác của phát xít Nhật và bọn tay sai, phổ biến lời hiệu triệu của Mặt trận Việt Minh, tuyên truyền mạnh mẽ đường lối của khu giải phóng Việt Bắc nhằm làm tăng lòng tin của quần chúng vào cách mạng...

Song song với những hoạt động trên, chính quyền cách mạng lâm thời Đại Sảo cũng khẩn trương tiến hành ổn định hoạt động. Các đoàn thể nhân dân nhanh chóng được kiện toàn nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động trong tình hình mới. Tháng 3/1945, Đại Sảo thành lập một tổ chức đoàn gồm lực lượng tự vệ, thanh niên, phụ lão tiến ra Đông Viên hưởng ứng cuộc mít tinh biểu tình và cướp chính quyền của nhân dân Đông Viên. Đoàn người vừa đi vừa hát vang, mang theo cờ hiệu và biểu ngữ, khí thế cách mạng vô cùng hào hùng. Sau cuộc biểu tình, hoạt động cách mạng ở địa bàn Đại Sảo, Đông Viên ngày càng sôi nổi, các cán bộ cách mạng được nhân dân các dân tộc tin yêu, giúp đỡ nên công tác vận động cách mạng thuận lợi hơn rất nhiều. Ở khắp các tuyến đường dọc theo Yên Mỹ, Yên Nhuận đều có các cơ sở cách mạng của nhân dân ta. Trong thời gian từ tháng 4-8/1945, nhân dân Đại Sảo đã

hăng hái đăng ký tham gia đánh giặc cứu nước, trong đó có 10 đồng chí được thu nhận vào giải phóng quân là: Hà Văn Hổ, Triệu Văn Nghinh, Lâm Văn Bảo, Hoàng Văn Vịnh, Nông Văn Nhất, Trương Văn Anh, Lý Văn Lưu, Nông Văn Thập, Nguyễn Tiến Nãi, Nguyễn Tiến Hiền.

Trước khí thế đấu tranh cách mạng của quân và dân ta, phát xít Nhật tăng cường đáp trả. Chúng liên tiếp điều động binh lính được trang bị vũ khí, khí tài với số lượng lớn tiến đánh các cơ sở cách mạng ở địa bàn các xã trên khắp Chợ Đồn hòng chia cắt vùng giải phóng thành nhiều mảnh để bao vây, tiêu diệt. Với quyết tâm bảo vệ căn cứ, quân và dân các dân tộc Đại Sảo đã triển khai thế trận du kích, đánh địch trên nhiều hướng. Cùng với quân và dân các xã khác, nhân dân Đại Sảo đã chiến đấu rất anh dũng, làm tiêu hao nhiều sinh lực địch, khiến chúng mệt mỏi và vô cùng hoang mang. Sau nhiều lần tổ chức vây càn nhưng thất bại, đến tháng 7/1945, phát xít Nhật phải tháo chạy khỏi Chợ Đồn, âm mưu đánh chiếm Chợ Đồn hoàn toàn phá sản.

Giữa lúc kháng chiến chống Nhật của quân và dân Đại Sảo cũng như quân và dân Chợ Đồn liên tiếp giành được nhiều thắng lợi thì phong trào cách mạng trên toàn quốc cũng diễn ra sôi nổi và rộng khắp. Các cuộc khởi nghĩa từng phần nổ ra và giành thắng lợi ở nhiều nơi.

Tháng 8/1945, tình thế cách mạng trực tiếp đã xuất hiện. Cuộc khủng hoảng chính trị ở Đông Dương đã đến đỉnh điểm. Phe phát xít thua trận, phát xít Nhật đã đầu hàng

Đồng minh vô điều kiện. Chính phủ bù nhìn Trần Trọng Kim hoang mang cực độ. Đồng thời, ta đã xây dựng lực lượng cách mạng hùng hậu. Nhân dân ta không thể chịu đựng bị áp bức được nữa. Quyết tâm chiến đấu để giành độc lập tự do cho dân tộc, không khí cách mạng sôi sục. Bên cạnh đó, cách mạng phải chạy đua gấp rút với quân Anh, Mỹ trước khi chúng vào Đông Dương giải giáp quân phát xít, mượn danh nghĩa pháp lý để chiếm nước ta.

Trong tình hình đó, Hội nghị toàn quốc của Đảng họp từ ngày 13 đến ngày 15/8/1945 tại Tân Trào (Tuyên Quang). Sau khi phân tích những điều kiện chủ quan và khách quan đã chín muồi để cuộc tổng khởi nghĩa có thể nổ ra và thắng lợi. Hội nghị quyết định: Đảng phải kịp thời phát động và lãnh đạo toàn dân tổng khởi nghĩa giành chính quyền từ tay phát xít Nhật trước khi quân Đồng minh vào Đông Dương. Hồ Chí Minh đã kiên quyết khẳng định: “Lúc này thời cơ thuận lợi đã tới, dù hi sinh tới đâu, dù phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải cương quyết giành cho được độc lập”.

Hưởng ứng lệnh khởi nghĩa của Trung ương Đảng và Tổng bộ Việt Minh, toàn quân và dân ta nhất loạt vùng dậy khởi nghĩa giành chính quyền trên toàn quốc. Nhân dân Đại Sảo kết hợp cùng với quân và dân các địa phương khác tiến hành hỗ trợ khởi nghĩa giành chính quyền ở những vùng chưa được giải phóng. Đến ngày 23/8/1945, toàn bộ quân Nhật phải rút khỏi thị xã Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn hoàn toàn được giải phóng.

Cách mạng tháng Tám thành công, ngày 2/9/1945, tại quảng trường Ba Đình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên

ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân dân ta từ kiếp sống nô lệ trở thành người tự do, làm chủ đất nước. Cách mạng tháng Tám và sự ra đời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là thắng lợi của trí tuệ, bản lĩnh và tinh thần đấu tranh quật cường của toàn thể dân tộc Việt Nam dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng Cộng sản Việt Nam, đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh; là kết quả tổng hợp của các phong trào cách mạng liên tục diễn ra trong 15 năm sau ngày thành lập Đảng và để lại nhiều bài học lịch sử quý giá. Từ đây, cách mạng Việt Nam cũng như phong trào cách mạng của nhân dân Đại Sảo bước sang một thời kỳ mới - thời kỳ củng cố, bảo vệ những thành quả cách mạng và tiến lên xây dựng quê hương, đất nước.

III. NHÂN DÂN ĐẠI SẢO XÂY DỰNG, BẢO VỆ CHÍNH QUYỀN CÁCH MẠNG, THAM GIA KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP XÂM LƯỢC (1946-1954)

1. Nhân dân Đại Sảo tham gia xây dựng và củng cố chính quyền sau Cách mạng tháng Tám năm 1945

Ngày 2/9/1945, Chủ tịch Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ lâm thời đọc bản Tuyên ngôn độc lập, khai sinh ra nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã trở thành một nước tự do độc lập. Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do độc lập ấy”. Cách mạng tháng Tám thành công đã mở ra một trang sử mới cho đất nước và nhân dân. Từ thân phận nô lệ, người dân Việt Nam bước lên vị thế của người làm chủ đất nước, phần khởi bắt tay

vào công cuộc xây dựng chế độ xã hội mới và bảo vệ những thành quả cách mạng. Đây là mốc quan trọng đối với đất nước nói chung và nhân dân Đại Sảo nói riêng, vì lần đầu tiên trong lịch sử quyền độc lập dân tộc gắn liền quyền dân sinh dân chủ được thừa nhận.

Cũng như nhiều địa phương trong cả nước, nhân dân Đại Sảo bước vào xây dựng chế độ mới với những hậu quả hết sức nặng nề về kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội do chế độ cũ để lại. Hơn nữa, dịch bệnh phát triển lan tràn khắp nơi đã cướp đi sinh mạng của hàng trăm người và hàng trăm gia súc. Bên cạnh đó, những tàn dư của nền văn hóa lạc hậu do chế độ thực dân, phong kiến để lại còn nặng nề, hơn 95% dân số mù chữ. Kèm theo đó là những hủ tục xã hội như ma chay, cưới xin, hội hè, đình đám... còn phổ biến trong các làng, bản Đại Sảo.

Chính quyền cách mạng quản lý và tổ chức mọi hoạt động của nhân dân trên địa bàn. Mặt trận Việt Minh phát triển nhanh chóng, cuốn hút mọi lứa tuổi tham gia vào các đoàn thể cứu quốc với các hình thức sinh hoạt hết sức phong phú, sôi nổi. Đó là những thuận lợi căn bản để nhân dân Đại Sảo bắt tay vào xây dựng chế độ xã hội mới. Ở khắp làng, bản của Đại Sảo, mọi tầng lớp nhân dân rất vui mừng, phấn khởi. Lần đầu tiên được hưởng quyền tự do, bình đẳng, không còn phải khúm núm, quy lụy quan thầy, lại được đi hội họp, được tham gia vào các tổ chức đoàn thể, tinh thần quần chúng nhân dân càng hăng hái, tin tưởng vào đường lối đúng đắn của Đảng, của cách mạng do Chủ tịch Hồ Chí Minh lãnh đạo.

Ngày 3/9/1945, phiên họp đầu tiên của Chính phủ diễn ra, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu ra những nhiệm vụ cấp bách cần phải làm ngay là: phát động quần chúng tăng gia sản xuất cứu đói, mở ngay cuộc lạc quyền để giúp đỡ người nghèo... Đây là những việc làm hết sức thiết thực, đáp ứng được yêu cầu và đòi hỏi của tình hình thực tiễn lúc bấy giờ. Tại Đại Sảo, chính quyền cách mạng vận động các tổ chức quần chúng như hội Hội Việt Minh, Hội Thanh niên tiên phong, Hội phụ nữ cứu quốc... tích cực hoạt động, tổ chức các phong trào sôi nổi như tập múa, hát, diễn kịch, mít tinh cổ động... Đời sống nhân dân nhìn chung được nâng cao rõ rệt.

Tuy nhiên, những ngày hòa bình không kéo dài được bao lâu, phong trào cách mạng ở Đại Sảo lại rơi vào tình cảnh hết sức hiểm nghèo. Ngày 15/9/1945, 20 vạn quân Tưởng tiến vào nước ta. Ngày 23/9/1945, dưới sự hậu thuẫn của quân Anh, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta một lần nữa. Trong khi đó, hơn 6 vạn quân Nhật vẫn hiện diện ở nước ta. Vận mệnh cả dân tộc lúc này đang ở vào thế “ngàn cân treo sợi tóc”.

Từ những nhiệm vụ chung của cách mạng cả nước, ngày 25/11/1945, Trung ương Đảng ra Chỉ thị “Kháng chiến kiến quốc”; đồng thời xác định nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân ta lúc này là: “Củng cố chính quyền, chống thực dân Pháp, bài trừ nội phản, cải thiện đời sống cho nhân dân”.

Chính quyền cách mạng lâm thời ở Đại Sảo tập trung lãnh đạo nhân dân đấu tranh nhằm thực hiện nhiệm vụ

theo Chỉ thị “Kháng chiến - kiến quốc”. Nghe theo lời của Chủ tịch Hồ Chí Minh và noi gương Người: “Cứ 10 ngày nhịn ăn một bữa, mỗi tháng nhịn ăn ba bữa. Đem gạo đó (mỗi bữa một bơ) để cứu dân nghèo”, các gia đình trong xã đều lập hũ gạo tiết kiệm. Để thực hiện nhiệm vụ đó, dưới sự lãnh đạo của chính quyền cách mạng lâm thời, nhân dân Đại Sảo đã tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách đặt ra lúc bấy giờ.

Diệt giặc đói được coi là nhiệm vụ cách mạng hàng đầu của nhân dân Đại Sảo, vốn là một xã với nền kinh tế nông nghiệp nghèo nàn lạc hậu, cộng với chính sách khai thác, bóc lột thậm tệ của thực dân, thêm vào đó, những khó khăn trong sản xuất nông nghiệp khiến phần lớn diện tích ruộng đất bị bỏ hoang, tình trạng đói kém, thiếu ăn xảy ra khắp nơi trong các thôn bản. Nghiêm trọng hơn đó là tình trạng thiếu muối ăn trầm trọng do chính sách quản lý gặt gạo của thực dân Pháp trước đó.

Trước tình hình ấy, chính quyền cách mạng lâm thời khu Đại Sảo đã tổ chức quyên góp tiền, gạo, muối cứu đói cho nhân dân. Với truyền thống yêu nước, tương thân, tương ái, “nhường cơm sẻ áo”, “lá lành đùm lá rách”, nhiều người trong xã đã tình nguyện nhịn bữa, bớt ăn, tiết kiệm tiêu dùng và chia sẻ cơm áo cho nhau. Trong những “ngày đồng tâm”, noi gương Hồ Chủ tịch, nhà nào cũng lập “Hũ gạo tiết kiệm”, đến bữa thổi cơm thì bỏ vào hũ một hai nắm gạo, đến cuối tháng trưởng xóm mang nộp cho Nhà nước... Ngoài ra, chính quyền các xã còn nghiêm cấm sử dụng lương thực để nấu rượu, làm bánh, nghiêm

trị những hành vi đầu cơ tích trữ, để lấy lương thực cứu đói cho nhân dân.

Tuy nhiên, đó mới chỉ là những biện pháp trước mắt. Để giải quyết tận gốc nạn đói, nhiều biện pháp đã được thực hiện: vận động nhân dân tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, khai hoang đất rừng, mở rộng diện tích trồng trọt. Hưởng ứng lời kêu gọi của chính quyền cách mạng lâm thời, nhân dân Đại Sảo đã hăng hái tham gia lao động sản xuất, phát quang bụi rậm, khai hoang và không ngừng mở rộng các diện tích gieo trồng. Cùng với đó, hàng trăm thứ thuế vô lý như thuế thân, thuế chợ, thuế đò cũng được chính quyền mới xóa bỏ. Các món nợ lưu cữu được xóa, hoãn đối với những gia đình quá khó khăn. Đi đôi với các biện pháp chống đói thiết thực và hiệu quả, thực hiện chủ trương của Nhà nước, chính quyền khu đã thực hiện giảm tô 25% cho tá điền, giảm thuế 20% cho nông dân.

Nhờ các biện pháp tích cực, nhạy bén, tình trạng thiếu đói từng bước được khắc phục, đời sống nhân dân tuy còn nhiều vất vả nhưng đã dần đi vào ổn định. Nạn đói cơ bản được khắc phục là thắng lợi cơ bản bước đầu của chính quyền cách mạng mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tốt các nhiệm vụ cơ bản khác.

Cùng với cuộc vận động phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân, khắc phục những khó khăn thì vấn đề tấn công trực diện vào giặc đói cũng được chính quyền cách mạng lâm thời ở địa phương đặc biệt quan tâm. Phong trào Bình dân học vụ đã diễn ra sôi nổi và thu hút sự tham gia

của mọi tầng lớp nhân dân đến học, đặc biệt có cả các cụ già cũng tham gia, tạo nên những tấm gương sáng cho lớp trẻ noi theo về truyền thống hiếu học. Với phương châm: Người biết chữ dạy người không biết, người biết nhiều dạy người biết ít... những người biết chữ trong làng được chính quyền lâm thời cử ra mở lớp và dạy học. Người lớn tham gia lớp bình dân học vụ, trẻ em được đến trường học ở Phiêng Cà do thầy Hà Văn Sinh, Hà Văn Cương dạy.

Hội Thanh niên tiên phong thời kỳ này đã phát huy được vai trò xung kích của mình trong phong trào diệt giặc đói. Những thanh niên biết chữ đã hăng hái xin về các bản vùng sâu để dạy chữ cho đồng bào dân tộc, mỗi người xung phong phụ trách một bản. Không khí học tập trong các bản lúc nào cũng sôi nổi, nghiêm túc. Ngoài thời gian lao động sản xuất, tất cả mọi người đều tranh thủ học thêm vào buổi trưa, buổi tối.

Công tác tuyên truyền vận động người đi học được chính quyền cách mạng tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú. Ở chợ Tùm Tó, mỗi ngã đường đều dựng 2 cổng, một cổng quang đẽng, đàng hoàng để cho người biết chữ đi qua; một cổng thì treo lủng lẳng lồng gà, vịt bỏ không, phía trên có ghi tám biển “Cổng mù chữ”, những ai không biết chữ phải đi qua cổng này. Nhờ những biện pháp tích cực trên nên dù cơ sở vật chất trường lớp phục vụ cho học tập còn khá thiếu thốn nhưng bằng quyết tâm của chính quyền và nhân dân, phong trào vẫn được đẩy mạnh và thu được những kết quả nhất định. Chỉ sau một thời gian ngắn, nhiều người dân Đại Sảo đã thoát khỏi

nạn mù chữ. Với những cố gắng và nỗ lực hết mình, nhân dân Đại Sảo bước đầu đẩy lùi được “giặc đốt”, khắc phục một bước những hậu quả do chế độ thực dân, phong kiến để lại.

Đi liền với cuộc đấu tranh xóa nạn mù chữ là cuộc vận động thực hiện đời sống mới bằng nhiều nội dung thiết thực và hình thức thể hiện phong phú. Nhân dân tham gia đấu tranh tích cực với nạn cờ bạc, nghiện hút, mê tín dị đoan, xây dựng đời sống văn hóa mới. Các đồng chí cán bộ cách mạng như đồng chí Hoàng Sâm, Vũ Yên, Thu Sơn, Mai Khoe, đồng chí Quang, đồng chí Nông Văn Lạc, đồng chí Nguyễn Duy đi khắp các thôn bản, dạy các bài thơ, bài hát cách mạng cho nhân dân bằng cả tiếng Tày lẫn tiếng Kinh như: Quốc ca, bài Hồn nước, bài Cờ giải phóng, bài Vác gươm cầm súng, bài Hai lòng quang tủa ló phụ nữ Việt Nam, bài Pi nọng ngẫm nghĩ tỉnh Bắc Kạn... và nhiều bài thơ khác. Những bài thơ ca đều có nội dung khơi gợi lòng yêu nước, ý chí căm thù giặc, cổ vũ tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân. Tất cả những chuyển biến mới trong đời sống văn hóa, tư tưởng đã góp phần quan trọng trong việc giáo dục tinh thần cách mạng cũng như củng cố niềm tin của quần chúng nhân dân lao động vào cách mạng, vào chế độ mới.

Giải quyết những khó khăn về tài chính: Hiểu rõ những khó khăn của Nhà nước mới, nhân dân Đại Sảo đã tích cực tham gia vào cuộc vận động thực hiện Sắc lệnh của Chính phủ (ngày 4-9-1945) về việc tổ chức “Quỹ độc lập” và phong trào “Tuần lễ vàng” để thể hiện lòng yêu

củng cố thành quả cách mạng, bảo vệ tuyệt đối an toàn các cơ quan Trung ương.

Ngày 7/10/1947, tiểu đội du kích Đại Sảo cùng đơn vị du kích Đông Viên tổ chức tập kích, phá hoại đồn bót của Pháp ở Bắc Kạn. Tuy nhiên, do vấp phải lực lượng lớn quân nhảy dù của địch (khoảng 1.200 tên) nên cuộc tập kích bị thất bại, nhiều chiến sỹ bị địch bắt như đồng chí Điền ở Đông Viên, đồng chí Nho ở Đại Sảo...

Ngày 8/10/1947, Pháp điều 4 đại đội dù với hơn 40 máy bay hỗ trợ cùng nhiều vũ khí quân sự tập kích chiếm huyện lỵ Chợ Đồn.

Trước những hành động quân sự ráo riết của thực dân Pháp, Ban Thường vụ Trung ương Đảng ra chỉ thị cần kíp cho các đồng chí lãnh đạo Tỉnh ủy, quân và dân Bắc Kạn. Chỉ thị vạch rõ âm mưu nhảy dù của Pháp xuống Bắc Kạn, đồng thời đề ra những nhiệm vụ cấp bách về quân sự, chính trị, kinh tế nhằm phòng ngừa máy bay oanh tạc, tổ chức tản cư cho dân chúng.

Quán triệt nội dung Chỉ thị Trung ương, Tỉnh ủy, Ủy ban hành chính kháng chiến Bắc Kạn đã họp hội nghị khẩn cấp tại bản Đán. Hội nghị đã nêu những chủ trương và biện pháp trước mắt phù hợp với tình hình của tỉnh:

Một là, tập hợp lực lượng du kích, tổ chức chiến đấu với địch để gây ảnh hưởng, lấy lại tinh thần cho cán bộ và nhân dân.

Hai là, huy động nhân dân, dân quân, du kích di chuyển các kho tàng, công xưởng đến nơi an toàn.

Ba là, giữ vững liên lạc với khu, phòng gian bảo mật, khẩn trương thu hoạch lúa mùa, phá hoại giao thông địch, triệt để thực hiện “Vườn không nhà trống” và “Ba không”.

Thực hiện chủ trương của Tỉnh ủy, Chi bộ liên xã Phương Viên đã lãnh đạo nhân dân sơ tán vào rừng sâu làm lán, thực hiện “vườn không nhà trống” theo chỉ thị của Trung ương và Lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh về công tác “phá hoại để kháng chiến”: “Phá cho rộng, phá cho sâu, phá sao cho bọn Pháp không lợi dụng được. Một nhát cuốc của đồng bào cũng như một viên đạn của chiến sĩ bắn vào quân địch vậy...”

Bên cạnh đó, Tiểu đội du kích Đại Sảo được trang bị 1 đại bác kíp, 2 khẩu khai hậu cùng lựu đạn cá nhân và được điều đi gác ở Kéo Dụ để bảo vệ nhân dân tham gia sản xuất, thu hoạch.

Ngày 22/10/1947, thực dân Pháp dưới sự dẫn đường của bọn Việt gian mở cuộc tập kích dọc theo đèo bản Làn xuống Khuổi Dả. Nhờ có thông tin nhanh nhạy, ta đã kịp thời báo động cho nhân dân sơ tán. Cuộc tập kích của địch không thu được kết quả, chúng điên cuồng đốt phá nhà cửa, cướp bóc của cải của nhân dân.

Đầu tháng 11/1947, một đại đội vệ quốc đoàn (đại đội Hàm - do ông Hàm làm đội trưởng) đóng tại bản Nà Lại và Thôm Tả bị địch tập kích. Trong lúc hỗn loạn, một chiến sỹ tiểu đội cùng một tổ trung liên đã tổ chức chống trả quyết liệt. Tổ trung liên bò theo nương Nà Bá bắn được 1 băng đạn sang phía quân địch ở Khau Van. Do lực lượng quân địch quá đông cùng với hỏa lực mạnh, 3 chiến

sỹ của ta đã anh dũng hi sinh trên chiến trường. Trận đánh tuy không tiêu diệt được tên địch nào nhưng đã làm cho quân Pháp khiếp sợ, phải tháo chạy về huyện lỵ Chợ Đồn. Từ đó, chúng không dám tổ chức càn quét vào Đại Sảo, nhân dân từ Khau Van trở xuống không bị địch khủng bố, cướp bóc, đốt phá.

Bên cạnh việc tham gia chiến đấu, nhân dân Đại Sảo còn tiếp nhận và giúp đỡ nhiều gia đình xung quanh thị xã và những gia đình dọc đường cái bị Pháp vây bắt, đốt phá phải tản cư như gia đình các ông Phương, ông Biên ở Nà Lại, gia đình ông Nguyễn Quý ở Phiêng Cà, gia đình ông Long ở Nà Ngà... Mặc dù điều kiện vừa sản xuất, vừa chiến đấu vô cùng khó khăn gian khổ nhưng nhân dân Đại Sảo đã thể hiện truyền thống đoàn kết, tương trợ lẫn nhau khi sẵn sàng chia sẻ ruộng đất canh tác, giúp đỡ lương thực, thực phẩm, nhường nơi ăn ở cho các gia đình phải di tản.

Thời gian này, quân và dân Chợ Đồn liên tiếp giành được nhiều thắng lợi. Đây là nguồn cổ vũ mạnh mẽ nhân dân các dân tộc Đại Sảo đẩy mạnh sản xuất, phục vụ chiến đấu. Lực lượng vũ trang, dân quân du kích thêm phần khởi, tin tưởng vào khả năng chiến đấu, đồng thời rút ra nhiều bài học kinh nghiệm về khả năng chiến đấu, ra sức củng cố các trận địa phục kích, xây dựng thêm nhiều trận địa mới, tăng cường tuần tra canh gác...

Bị sa lầy trong thế trận chiến tranh nhân dân, các vị trí thực dân Pháp chiếm đóng dần bị cô lập, khó khăn ngày một tăng lên, tinh thần binh lính địch ngày một giảm

sút. Ngày 28/10/1947, chúng phải rút khỏi Bản Thi, Yên Thịnh, ngày 3/11/1947, quân địch phải rút khỏi Chợ Đồn. Chiến dịch tấn công lên ATK, lưng sục các cơ quan đầu não cách mạng của thực dân Pháp hoàn toàn thất bại. Chợ Đồn được giải phóng, ATK Chợ Đồn được giữ vững.

Quê hương được giải phóng, quân và dân Đại Sáo cùng toàn thể nhân dân các dân tộc Chợ Đồn có thêm niềm tin và sức mạnh. Dưới sự lãnh đạo của Đảng bộ huyện, Chi bộ liên xã Phương Viên, nhân dân Đại Sáo ra sức xây dựng quê hương mình trở thành hậu phương vững chắc, góp phần đem lại thắng lợi chung cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Năm 1948, đồng chí Nguyễn Duy Đoán - Chủ nhiệm Mặt trận Việt Minh huyện Chợ Đồn được cấp trên điều về đảm nhận chức vụ Chủ tịch Ủy ban hành chính kháng chiến xã Đông Viên. Sau đó, đồng chí Ma Thị Miện từ Yên Thương chuyển về sinh sống ở Đại Sáo. Đây là hai đảng viên đầu tiên của Đại Sáo. Ngoài công tác kháng chiến, hai đồng chí rất tích cực vận động, giác ngộ quần chúng nhân dân và đã kết nạp được một số quần chúng ưu tú vào Đảng ở Bằng Tộc như: Tô Văn Ngọc, Hoàng Văn Hập, Bàn Văn Thông, Hà Văn Suong. Đây chính là sự chuẩn bị cần thiết cho việc thành lập Chi bộ Đảng ở Đại Sáo về sau này.

Về phía thực dân Pháp, tuy cuối năm 1947 chúng đã rút khỏi Chợ Đồn song trên địa phận Bắc Kạn vẫn còn binh lính của trung đoàn tinh nhuệ lê dương số 3 với khoảng hơn 1.500 tên chiếm đóng. Trước tình hình đó,

tháng 2/1948, Tỉnh ủy Bắc Kạn triệu tập Hội nghị quân sự toàn tỉnh ở Thượng Minh. Hội nghị chủ trương:

- Củng cố và tổ chức lại các đội du kích xã cho phù hợp với tình hình thực tế của từng địa phương, lấy tổ, tiểu đội làm đơn vị tác chiến, lấy trung đội làm đơn vị phối hợp.

- Phát triển các đội du kích người Dao và Mông, đề phòng biệt kích, thổ phi...

- Tăng cường công tác huấn luyện, đào tạo cán bộ.

- Kiện toàn tổ chức ban chỉ huy xã đội, bao gồm: một xã đội trưởng, một xã đội phó chỉ huy du kích, một xã đội phó chỉ huy dân quân. Ở những xã có nhiều dân quân, du kích người Dao, người Mông, cần bố trí thêm một xã đội phó người cùng dân tộc để chỉ huy.

Quán triệt tinh thần Hội nghị quân sự toàn tỉnh, chỉ thị của Đảng bộ huyện, dựa trên đặc điểm tình hình của địa phương và yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, Chi bộ liên xã Phương Viên đã chỉ đạo quân và dân các xã nhanh chóng củng cố dân quân du kích, động viên thanh niên hăng hái tham gia bộ đội, đồng thời vận động nhân dân tích cực sản xuất, đóng góp, ủng hộ lương thực, thực phẩm cho lực lượng vũ trang.

Ý thức được trách nhiệm của mình, lại được cổ vũ mạnh mẽ bởi các chiến thắng dồn dập của quân và dân ta, nhân dân các dân tộc Đại Sảo cùng nhân dân toàn xã Đông Viên nô nức tham gia các phong trào. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Ủy ban kháng chiến hành chính Đông Viên, nhân dân Đại Sảo nhanh chóng sửa sang lại làng

bản, nhà cửa để phục vụ sản xuất với khẩu hiệu: ruộng đất là chiến trường, cây cuốc là vũ khí, nhà nông là chiến sĩ. Tất cả mọi tầng lớp nhân dân trong xã đều hăng hái, chăm lo sản xuất, phát triển kinh tế, ổn định đời sống và đóng góp cho cách mạng.

Bên cạnh nhiệm vụ ổn định và phát triển kinh tế, hàng chục thanh niên Đại Sáo đã tham gia bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương, có mặt trong nhiều trận đánh lớn ở Bắc Kạn. Lực lượng dân quân, du kích xã cũng ra sức luyện tập để nâng cao trình độ, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.

Năm 1949, thực hiện chủ trương củng cố chính quyền cấp xã của Đảng bộ huyện, Ủy ban kháng chiến hành chính Đông Viên được tổ chức lại, ngoài ra, ban chấp hành thanh niên, phụ nữ... cũng được củng cố về mặt tổ chức.

Tháng 8/1949, sau những thất bại liên tiếp trên nhiều mặt trận, quân Pháp buộc phải rút khỏi Bắc Kạn. Lúc này, nhiệm vụ chủ yếu của nhân dân trong toàn tỉnh là phải đảm bảo giao thông vận tải thông suốt. Ban Thường vụ Trung ương Đảng chỉ thị cho nhân dân trong toàn tỉnh, trong đó có nhân dân Đại Sáo phải nhanh chóng khôi phục mạng lưới giao thông, đặc biệt là con đường số 3.

Chấp hành chỉ thị của Trung ương, nhân dân các dân tộc Đại Sáo cùng toàn thể nhân dân Chợ Đồn tập trung mọi cố gắng nhằm hoàn thành nhiệm vụ trọng tâm này. Đợt phát động “Chiến dịch cầu đường lần thứ nhất” và “Chiến dịch cầu đường lần thứ hai” do Tỉnh ủy phát động trong các năm 1949-1951 được nhân dân hưởng ứng nhiệt

liệt. Tại Đại Sảo, tất cả mọi người trong độ tuổi từ 18-50 (đối với nam) và từ 18-45 (đối với nữ) mà không có con nhỏ dưới 18 tháng đều tham gia sửa chữa cầu đường mỗi năm một tháng. Như vậy, qua hai đợt thực hiện chiến dịch cầu đường của Tỉnh phát động, nhân dân Đại Sảo đã đóng góp hàng nghìn ngày công, hàng trăm kilômet đường được sửa chữa, mở rộng, hàng nghìn mét khối đất đá được đào, đắp nhằm đảm bảo giao thông thông suốt. Những cố gắng vượt bậc của nhân dân Đại Sảo là sự đóng góp không nhỏ vào việc hoàn thành nhiệm vụ chung của toàn tỉnh.

Đối với lực lượng du kích, Chi bộ liên xã đã chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ làm nhà cho các cơ quan của huyện, đi gác trạm giao tế ở Nà Vườn (Đông Viên). Đây là nơi trung chuyển lương thực, thực phẩm, vật dụng phục vụ cho các cơ quan Trung ương đóng ở Lương Bằng, Nghĩa Tá.

Tháng 8/1950, các cơ quan làm việc của huyện Chợ Đồn chuyển về đặt tại Nà Moong, đến tháng 2/1951 mới chuyển sang Bằng Lãng để đề phòng máy bay địch không kích. Trong thời gian các cơ quan của huyện làm việc tại xã luôn nhận được sự che chở, giúp đỡ hết lòng của nhân dân, đặc biệt, công tác phòng gian bảo mật luôn được quán triệt chặt chẽ.

Tháng 8/1951 trong chuyến đi công tác từ trạm giao tế Đông Viên sang Thắng Lợi, Bác Hồ cùng đoàn công tác gồm 7 người có đi qua bản Nà Củng và nghỉ chân tại nhà ông Trương Văn Linh. Bác đã ân cần hỏi thăm và động viên gia đình ông Linh hăng hái tham gia và đóng góp cho kháng chiến.

Từ cuối năm 1949 đầu năm 1950, tình hình thế giới có những chuyển biến mới thuận lợi. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta lúc này đang phát triển đi lên. Ngày 1/10/1949, Cách mạng Trung Quốc thành công, nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa ra đời đã tạo ra khả năng cho cách mạng Việt Nam có thể tiếp xúc trực tiếp với các nước trong phe xã hội chủ nghĩa. Tháng 6/1950, Ban Thường vụ Trung ương Đảng quyết định mở Chiến dịch Biên giới nhằm giải phóng toàn bộ vùng biên giới phía Bắc nước ta. Nhu cầu cung cấp về mọi mặt cho cuộc kháng chiến ngày càng tăng lên.

Nhận thấy được trách nhiệm to lớn và vẻ vang của mình, nhân dân Đại Sảo không ngừng đẩy mạnh sản xuất nhằm tiếp tục cải thiện đời sống đồng thời đảm bảo cung cấp kịp thời về lương thực, thực phẩm cho kháng chiến. Vượt qua mọi khó khăn về điều kiện tự nhiên, hậu quả do chiến tranh, bà con nông dân tích cực khai hoang phục hóa, mở rộng diện tích canh tác. Ngoài diện tích trồng lúa, Chi bộ liên xã và Ủy ban hành chính kháng chiến Đông Viên còn chỉ đạo nhân dân trồng thêm các cây hoa màu và các loại cây công nghiệp, chủ yếu là trồng bông. Phong trào “Vườn bông ái quốc”, “Vườn sản kháng chiến”... đã thu hút đông đảo quần chúng tham gia. Phong trào “Hũ gạo kháng chiến” tiếp tục được đẩy mạnh nhằm phát huy tinh thần tiết kiệm, tương thân tương ái của nhân dân. Bên cạnh đó, công tác giáo dục, văn hóa cũng được quan tâm sâu sắc. Những trường học ở Phiêng Cà được khôi phục hoạt động, phong trào “Bình dân học vụ” tiếp tục được nhân rộng. Phong trào văn hóa văn nghệ quần

chúng cũng được phát động sôi nổi. Nhiều hoạt động hát múa được tổ chức nhằm đáp ứng nhu cầu về văn hóa tinh thần cho nhân dân.

Bên cạnh việc chỉ đạo khôi phục sản xuất, phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, cuộc vận động chính sách thuế nông nghiệp và chính sách ruộng đất cũng được triển khai. Do tính chất phân hóa giai cấp ở nông thôn không rõ rệt như những địa phương khác trong cả nước nên ở Chợ Đồn, cuộc vận động giảm tô chỉ tiến hành ở hai xã điển hình là Đông Viên và Phương Viên. Tuy nhiên, do chưa có điều kiện tập trung chỉ đạo sát sao nên cuộc vận động dù được triển khai nhưng đến năm 1952 vẫn chưa mang lại những kết quả thiết thực đối với người nông dân.

Công tác phát triển Đảng đi đôi với củng cố tổ chức Đảng cũng nhận được sự quan tâm rất lớn từ Đảng bộ huyện. Nhiều đồng chí cán bộ, đảng viên ở Chi bộ liên xã được cử đi học tập, nâng cao nhận thức, củng cố về mặt tư tưởng, trình độ quản lý. Nhờ vậy mà Chi bộ có những bước phát triển vượt bậc so với thời kỳ trước. Tuy vậy, công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng thời kỳ này vẫn còn một số khuyết điểm, tồn tại như chưa chú trọng đến chất lượng, để lọt một số phần tử cơ hội vào trong tổ chức Đảng.

Để khắc phục tình trạng trên, Chi bộ liên xã đã quán triệt tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần II (26/6/1949) về những vấn đề đổi mới công tác tổ chức, thực hiện sửa đổi lề lối làm việc, tiếp tục đẩy mạnh công tác phát triển Đảng, làm tốt công tác kiểm tra, giám sát.

Cùng với việc kết nạp đảng viên mới, Chi bộ liên xã kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những đảng viên thoái hóa, biến chất và những phần tử cơ hội như: năm 1951 khai trừ đồng chí Ma Văn Phòng do không chấp hành chính sách thuế nông nghiệp; năm 1952 đồng chí Nguyễn Duy Đoán tham ô gạo tiết kiệm kháng chiến cũng bị buộc thôi việc và khai trừ khỏi Đảng.

Nhờ những biện pháp tích cực trên mà Chi bộ liên xã đã phát triển lớn mạnh cả về số lượng lẫn chất lượng đảng viên, trình độ và năng lực được nâng cao, hoàn thành mọi mặt công tác mà Đảng bộ tỉnh và huyện giao phó.

Cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi được đánh dấu bằng thắng lợi vĩ đại của chiến dịch Điện Biên Phủ. Đó là kết quả của một quá trình hy sinh, phấn đấu của toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta. Trong chiến công chung ấy, nhân dân các dân tộc Đại Sảo rất tự hào vì những đóng góp to lớn của mình. Mặc dù trong giai đoạn này (1945-1954), chưa có một Chi bộ Đảng trực tiếp lãnh đạo nhưng nhân dân Đại Sảo vẫn luôn hăng hái tham gia đóng góp sức người, sức của cho cuộc kháng chiến. Trung bình mỗi năm, Đại Sảo đã đóng góp cho Nhà nước hơn 46 tấn lương thực, hoàn thành nghĩa vụ tuyển quân, giao quân. Trải qua 9 năm kháng chiến, Đại Sảo đã có 51 người đi bộ đội, hàng trăm người đi cảnh vệ, công an cùng hàng trăm dân quân du kích, trong đó có 4 người đã anh dũng hy sinh được phong tặng liệt sỹ và 2 người được công nhận là tử sỹ.

Cùng với nhân dân cả nước, cán bộ và nhân dân xã Đại Sảo hân hoan đón mừng chiến thắng và rút ra nhiều bài học kinh nghiệm qua thực tiễn đấu tranh để chuẩn bị chu đáo về mọi mặt, sẵn sàng bước vào giai đoạn cách mạng mới với nhiều thử thách và khó khăn phía trước.

Chương III

DƯỚI SỰ LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG, NHÂN DÂN ĐẠI SẢO THỰC HIỆN HAI NHIỆM VỤ CHIẾN LƯỢC XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở MIỀN BẮC VÀ ĐẤU TRANH GIẢI PHÓNG MIỀN NAM THỐNG NHẤT TỔ QUỐC (1954-1975)

I. CHI BỘ ĐẢNG XÃ ĐẠI SẢO THÀNH LẬP, LÃNH ĐẠO NHÂN DÂN KHÔI PHỤC KINH TẾ, PHÁT TRIỂN VĂN HÓA - XÃ HỘI (1954-1957)

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp (1945-1954) đã đem lại nền hòa bình trên bán đảo Đông Dương. Miền Bắc nước ta được hoàn toàn giải phóng; cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân cơ bản hoàn thành. Từ đây, nhân dân miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội, xây dựng cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc.

Bước ra khỏi cuộc chiến tranh, nền kinh tế bị tàn phá nặng nề, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân gặp rất nhiều khó khăn, thiếu thốn. Nhiệm vụ trước mắt đặt ra cho nhân dân cả nước nói chung, thôn Đại Sảo (xã Đông Viên) nói riêng là phải khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh.

Bên cạnh niềm vui chiến thắng, nhân dân Đại Sào phải đối mặt với muôn vàn khó khăn từ hậu quả của những năm sống dưới ách thống trị của thực dân, phong kiến.

Về kinh tế: Sản xuất nông nghiệp vẫn ở thể độc canh, lạc hậu. Hệ thống thủy lợi phục vụ cho sản xuất ở địa phương chưa được xây dựng, việc tưới tiêu chủ yếu phụ thuộc vào thiên nhiên. Ruộng đồng nhiều nơi bị bỏ hoang do thiếu nước, sức kéo và cả nhân lực. Thêm vào đó, trình độ kỹ thuật canh tác còn rất lạc hậu nên năng suất rất thấp. Tình trạng đói kém trong nhân dân còn khá phổ biến, nhất là vào kỳ giáp hạt.

Về chính trị: Trong kháng chiến chống thực dân Pháp, Đại Sào thuộc vùng tự do nhưng là nơi giáp ranh với vùng địch tạm chiếm nên thường xuyên bị kẻ thù tìm cách chống phá. Chúng tung gián điệp vào hoạt động do thám, dò la tin tức, phao tin đồn nhảm, gây cho nhân dân tâm lý hoang mang, bên cạnh đó, chúng còn ngấm ngầm chống phá, tuyên truyền sai lệch những chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Các đoàn thể quần chúng mới được khôi phục còn non yếu. Đội ngũ cán bộ trong các ban ngành còn nhiều hạn chế về năng lực và kinh nghiệm trong lãnh đạo cũng như chỉ đạo, nhất là trong xây dựng, quản lý kinh tế - xã hội. Cùng với những khó khăn về kinh tế do hậu quả chiến tranh để lại, tình hình chính trị xã hội trên địa bàn trong thời gian đầu hòa bình còn khá phức tạp, an ninh quốc phòng tiềm ẩn nhiều nguy cơ gây mất ổn định.

Về văn hóa - xã hội: Hậu quả nặng nề từ việc thực hiện chính sách “ngu dân” của thực dân Pháp đã làm cho 95% người dân mù chữ. Hệ thống y tế thiếu thốn, việc chăm sóc sức khỏe cho nhân dân chủ yếu dựa vào kinh nghiệm và các bài thuốc dân gian. Nhiều tệ nạn xã hội như: rượu chè, cờ bạc, nghiện hút, lên đồng, bói toán; các hủ tục trong việc cưới xin, ma chay còn nặng nề.

Mặc dù khó khăn chồng chất, song phát huy tinh thần chiến đấu kiên cường không ngại khó, ngại khổ trong kháng chiến; đồng thời được sự chỉ đạo sát sao của Tỉnh ủy, Huyện ủy, nhân dân Đại Sáo đã hăng hái bắt tay vào việc thực hiện các nhiệm vụ mới do Trung ương đề ra. Để tăng cường sức mạnh lãnh đạo trong giai đoạn mới, Đại Sáo đã tập trung giải quyết những nhiệm vụ sau:

- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục tư tưởng, ổn định lòng dân.
- Tiếp tục củng cố xây dựng các đoàn thể quần chúng.
- Thực hiện giảm tô, phục hồi và phát triển sản xuất.
- Củng cố bộ máy, đào tạo cán bộ để kiện toàn sự lãnh đạo.

Sau chiến thắng của chiến dịch lịch sử Điện Biên Phủ, Pháp đã phải kí hiệp định Giơnevơ, miền Bắc được giải phóng, nhưng cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân vẫn chưa được hoàn thành. Bởi nhiệm vụ dân chủ vẫn chưa được giải quyết triệt để, chế độ “người bóc lột người” vẫn chưa được xóa bỏ tận gốc. Vì vậy, để tiến tới thực hiện cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, trong lúc

này, yêu cầu hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ được đặt ra và cần được nhanh chóng giải quyết. Từ khi có Sắc lệnh giảm tô của Chính phủ (ngày 14/9/1949), Đảng bộ huyện đã lãnh đạo các xã tích cực vận động giảm tô, chống cho vay nặng lãi, tuy nhiên vì chưa có điều kiện tập trung chỉ đạo nên tình trạng tô cao, cho vay nặng lãi vẫn tồn tại đã đẩy một bộ phận người nông dân nghèo lâm vào hoàn cảnh hết sức khó khăn.

Đến năm 1953, Đảng chủ trương thực hiện giảm tô, giảm tức. Tháng 11/1953, Đảng công bố Cương lĩnh ruộng đất và quyết định tiến hành cải cách ruộng đất. Xã Đông Viên với đặc điểm là nơi có số ruộng phát canh tương đối lớn so với các địa phương khác trong huyện, áp bức giai cấp dưới nhiều hình thức tương đối nặng nề nên cuộc vận động giảm tô tức được tiến hành triệt để từ tháng 2/1954. Đông đảo quần chúng nhân dân, nhất là bản nông, cố nông được sự tổ chức, động viên của cán bộ đã mạnh dạn đấu tranh đòi triệt để giảm tô, giảm tức, vạch trần những thủ đoạn bóc lột tinh vi của giai cấp địa chủ.

Trong cuộc đấu tranh này, Nông hội đã tỏ rõ vai trò của mình trong việc đoàn kết nông dân thực hiện mục tiêu cách mạng ở địa phương. Nhờ đó, cuộc phát động giảm tô, giảm tức ở Đông Viên đã được thực hiện thắng lợi. Người nông dân được đổi đời, thực sự làm chủ cuộc đời mình. Công cuộc giảm tô, giảm tức hoàn thành thắng lợi, giai cấp địa chủ, phú nông bị đánh đổ. Chế độ chiếm hữu ruộng đất phong kiến vĩnh viễn bị xóa bỏ. Người nông dân bước lên địa vị làm chủ cuộc sống của mình. Thắng

lợi của nhân dân Đông Viên trong cuộc vận động giảm tô, tức đã góp phần kết thúc cuộc cách mạng dân tộc dân chủ của xã, tạo điều kiện cho bộ mặt nông thôn của xã bước vào con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội

Chủ trương, đường lối của Đảng về cải cách ruộng đất, giảm tô, giảm tức là hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện do những hạn chế, thiếu sót về nhận thức và phương pháp nên không tránh khỏi những sai lầm, gây tổn thất và ảnh hưởng lớn tới công tác xây dựng Đảng và công tác cán bộ. Một số hộ bị quy sai là địa chủ, một số cán bộ cốt cán của thôn, xã bị quy là Quốc dân Đảng, địa chủ phản động đã gây ra không khí nặng nề, căng thẳng ở khắp nơi, các mối quan hệ đoàn kết làng xóm, bà con, người thân bị chia cắt; mâu thuẫn, thù oán lẫn nhau; hoài nghi chính sách của Đảng và Nhà nước, dẫn đến kẻ địch dễ dàng lợi dụng để chống phá cách mạng. Hệ quả là đến cuối năm 1954, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quyết định giải tán Chi bộ Đông Viên. Khi Chi bộ Đông Viên bị giải tán, số đảng viên của Đại Sào chỉ có 9 đồng chí, gồm: Nguyễn Tiến Thành, Tô Văn Ngọc, Hoàng Văn Hập, Ma Thị Miện, Bàn Văn Thông, Hà Văn Sương, Triệu Văn Như, Đặng Văn Đình, Hoàng Văn Vịnh. Trong đó, chỉ còn 2 đồng chí không bị quy kết phản động là đồng chí Ma Thị Miện và đồng chí Tô Văn Ngọc.

Trước tình hình cải cách ruộng đất ở nông thôn miền Bắc, Trung ương Đảng đã nhanh chóng phát hiện ra sai lầm và quyết định cần phải tiến hành sửa sai một cách nghiêm túc, thẳng thắn. Hội nghị Ban Chấp hành Trung

ương Đảng lần thứ 10 (khóa II) đã phân tích rõ những sai lầm trong cải cách ruộng đất và đề ra nhiệm vụ kiên quyết sửa chữa. Hội nghị khẳng định: “Chúng ta không sợ vạch rõ sai lầm, khi đã thấy sai lầm thì chúng ta phải kiên quyết sửa chữa được”¹. Ngày 18-8-1956, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng thay mặt Đảng, Chính phủ gửi thư cho đồng bào và cán bộ, công khai thừa nhận những sai lầm trong cải cách ruộng đất và kịp thời chỉnh đốn tổ chức. Từ đó, Người kêu gọi nhân dân đoàn kết, bình tĩnh, cương quyết tiến hành sửa sai. Người nhấn mạnh: “Chúng ta cần phát huy những thắng lợi đã thu được, đồng thời chúng ta phải kiên quyết sửa chữa những sai lầm...”

Cuối năm 1954, đầu năm 1955 để phù hợp với tình hình mới, xã Đông Viên cũ được tách ra thành ba xã, thôn Đại Sảo được đổi tên thành xã Đại Thắng. Ủy ban hành chính xã Đại Thắng được thành lập, ông Lường Văn Chảy giữ chức Chủ tịch². Thực hiện chủ trương sửa sai của Đảng, Bác Hồ, dưới sự lãnh đạo của Huyện ủy, Ủy ban hành chính xã Đại Thắng đã tổ chức chỉ đạo sửa sai theo đúng tinh thần yêu cầu của Trung ương và của Tỉnh ủy: Kiên quyết sửa sai, có sai có sửa, sai đến đâu sửa đến đó. Qua đó, các đồng chí đảng viên được minh oan, nhiều người được phục hồi chức vụ, công tác kiện toàn tổ chức Đảng, chính quyền trong xã được củng cố.

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, Tập 17, Nxb Chính trị Quốc gia, 2001.

2. Sau khi thành lập Ủy ban hành chính xã Đại Thắng, ông Lường Văn Chảy đảm nhiệm chức vụ Chủ tịch được vài tháng thì qua đời, ông Lèng Văn Ích thay thế đảm nhiệm chức vụ.

Vừa thực hiện ổn định chính trị, Ủy ban hành chính xã vừa tăng cường chỉ đạo khôi phục kinh tế, coi đây là yếu tố quan trọng giữ vững sự ổn định về chính trị. Trên cơ sở căn cứ vào tình hình thực tế ở địa phương, nhân dân các dân tộc Đại Thắng nhanh chóng bắt tay vào công cuộc khôi phục kinh tế. Qua đợt phát động quần chúng giảm tô, nhân dân được học tập đường lối chính sách của Đảng, sức sản xuất được giải phóng, năng suất lao động dần được nâng cao.

Trong sản xuất nông nghiệp, hưởng ứng tinh thần cuộc vận động cấy lúa hai vụ của toàn huyện Chợ Đồn, Ủy ban hành chính xã đã chỉ đạo nhân dân sản xuất thêm vụ xuân với giống lúa mới Nam Ninh. Mô hình thí điểm của một vài hộ trong xã đạt hiệu quả cao đã góp phần thúc đẩy nhân dân toàn xã tham gia.

Bên cạnh việc chỉ đạo cấy giống lúa mới, thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, xã chủ trương mở rộng hơn nữa diện tích gieo trồng bằng cách đẩy mạnh khai hoang, tăng cường công tác chống hạn và chăm bón tích cực nhằm nâng cao hơn nữa năng suất. Năm 1955, diện tích trồng lúa trong xã được mở rộng hơn, đặc biệt, 30% diện tích canh tác được cày ải, các biện pháp kỹ thuật từ gieo mạ đến chăm bón, cày cấy được chú ý áp dụng. Qua đó, mặc dù trong sản xuất lúa vụ mùa, hạn hán thường kéo dài từ tháng 5 đến hết tháng 6 khiến một số nơi thiếu nước cày cấy, làm chậm thời vụ nhưng năng suất và sản lượng gieo trồng năm sau vẫn tăng cao hơn so với năm trước. Đến năm 1956, đã có hơn 70% số hộ tăng gia sản xuất vụ

xuân, sang năm 1957 gần như toàn xã đã tiến hành thâm canh 2 vụ/năm. Năng suất lúa không ngừng được nâng cao, đời sống nhân dân được cải thiện.

Ngoài trồng lúa nước, nhân dân trong xã còn đẩy mạnh gieo trồng các cây hoa màu như ngô, khoai, sắn, các loại đỗ... nhìn chung thu hoạch tương đối khá. Công tác chăn nuôi cũng đạt được nhiều hiệu quả tích cực. Ngoài nuôi trâu bò lấy sức kéo phục vụ sản xuất nông nghiệp, mỗi gia đình còn nuôi thêm lợn, gà, vịt, ngan, ngỗng... nhằm góp phần cải thiện bữa ăn.

Dưới sự lãnh đạo đúng đắn của Huyện ủy, Ủy ban hành chính xã cùng với tinh thần lao động cần cù, sáng tạo, nhân dân trong xã đã tăng cường áp dụng những biện pháp khoa học kỹ thuật vào trong lao động sản xuất, trọng tâm là sản xuất lương thực, phát triển chăn nuôi. Nhờ đó mà nhân dân các dân tộc không những đã thực hiện được khôi phục phát triển kinh tế, ổn định đời sống mà còn hoàn thành 100% nghĩa vụ thuế với Nhà nước, đồng thời còn tham gia ủng hộ lương thực giúp đỡ đồng bào ở những nơi còn thiếu đói. Những tiến bộ mà nhân dân trong xã đạt được còn nhờ phong trào đổi công sau cuộc vận động giảm tô có bước phát triển mới: Từ đổi công từng việc, từng vụ tiến lên đổi công thường xuyên, rồi bình công, chấm điểm đã có tác dụng nâng cao năng suất, hiệu quả lao động, thúc đẩy sản xuất phát triển. Thời kỳ này, trong xã có 7 tổ đổi công thường xuyên, tại các làng bản lẻ thì có những tổ đổi công từng vụ, từng việc.

Là địa phương nằm trong danh sách thực hiện cuộc vận động giảm tô, giảm tức, Đại Thắng luôn nhận được sự quan tâm đầu tư, chỉ đạo của Huyện ủy. Nhờ đó mà công tác văn hóa - giáo dục, công tác y tế của xã thời kỳ này cũng thu được nhiều thành tựu đáng kể. Các phong trào văn hóa, văn nghệ quần chúng được đẩy mạnh, là nguồn cổ vũ tinh thần to lớn cho toàn thể nhân dân trong xã. Những tổ chức quần chúng như Nông hội, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ trong giai đoạn này đã phát huy vai trò xung kích, đi đầu trong các hoạt động văn hóa, vận động quần chúng xây dựng đời sống mới. Nhờ đó, diện mạo thôn bản được thay đổi qua từng ngày.

Phong trào giáo dục trong xã được xây dựng từ cuộc vận động cách mạng tháng Tám năm 1945 và trong kháng chiến chống Pháp đến nay tiếp tục được củng cố và đẩy mạnh. Từ chỗ chỉ có 1 trường dạy ghép từ vỡ lòng đến lớp 2, đến thời kỳ này, xã đã mở thêm lớp 3, lớp 4, gọi là trường Tiểu học với cơ sở vật chất đủ đảm bảo yêu cầu dạy và học. Nhận được sự quan tâm của Đảng, chính quyền xã, các cơ sở giáo dục phổ thông dần được hoàn thiện, số học sinh phổ thông năm sau thường cao hơn so với năm trước. Ngoài giáo dục phổ thông, phong trào “bình dân học vụ” cũng không ngừng được phát triển, các lớp xóa nạn mù chữ được mở ra ở khắp các thôn bản với khẩu hiệu “người biết chữ dạy người không biết chữ”. Thời gian học chủ yếu là buổi trưa và buổi tối.

Năm 1955, Ty Giáo dục (nay là Sở Giáo dục - Đào tạo) tỉnh Bắc Kạn cử 1 cán bộ xuống Chợ Đồn phụ trách

công tác bình dân học vụ, mở lớp đào tạo cho 80 học viên trong 10 ngày để làm công tác xóa mù chữ ở các xã. Xã Đại Thắng cử ông Hoàng Đức Khang đi học sau đó về phụ trách công tác bình dân học vụ ở địa phương.

Công tác y tế bước đầu được quan tâm, xã cử 2 người là Triệu Văn An và Hà Thị Tiêu theo học lớp đào tạo y tế do Ty Y tế Bắc Kạn tổ chức vào năm 1956, sau đó xây dựng tủ thuốc, phòng khám chữa bệnh. Mỗi thôn bản có 1 vệ sinh viên làm công tác giáo dục, tuyên truyền phòng chống dịch bệnh trong nhân dân... Công tác hậu phương quân đội mà trọng tâm là công tác chăm sóc sức khỏe thương bệnh binh được chính quyền xã đặc biệt quan tâm. Hàng năm, vào các ngày lễ, tết đều tổ chức khám chữa bệnh, thăm hỏi, tặng quà cho các đối tượng là thương binh, bệnh binh, người có công trong xã.

Gắn liền với nhiệm vụ phát triển kinh tế, văn hóa - xã hội, công tác quốc phòng, an ninh cũng được xã quan tâm. Các tổ dân quân, du kích được tổ chức huấn luyện nghiệp vụ đảm bảo yêu cầu giữ gìn trật tự an ninh, công tác vận động tuyển quân được đẩy mạnh. Lực lượng dân quân du kích toàn xã đã tổ chức được một trung đội cơ động và một tiểu đội ở cấp thôn, thường xuyên tổ chức luyện tập để nâng cao tinh thần và kỹ thuật chiến đấu cho anh em, sẵn sàng đối phó với những tình huống bất ngờ xảy ra. Nhờ vậy mà mặc dù tình hình xã hội còn có nhiều vấn đề phức tạp song nhìn chung tình hình trị an trong xã vẫn được giữ vững. Đặc biệt, ở những vùng nhạy cảm về an ninh, lực lượng dân quân tự vệ, du kích kết hợp cùng

nhân dân, chính quyền xã tổ chức triệt phá nhiều tụ điểm cờ bạc, nghiện hút, đẩy lùi nhiều âm mưu phá hoại của các phần tử phản động.

Trước sự phát triển nhanh chóng của phong trào cách mạng ở địa phương, tháng 2/1957, Chi bộ Đảng xã Đại Thắng được thành lập với 7 đồng chí đảng viên chính thức và 1 đảng viên dự bị gồm: Nguyễn Tiến Thành, Ma Thị Miện, Tô Văn Ngọc, Bàn Văn Thông, Triệu Văn Như, Đặng Văn Đình, Hoàng Văn Vịnh, Hà Văn Sương. Đồng chí Nguyễn Tiến Thành được chỉ định là Bí thư Chi bộ¹, đồng chí Đặng Văn Đình là Phó Bí thư. Chi bộ phân thành 2 tổ Đảng: tổ Đảng Bằng Tộc gồm các đồng chí Ma Thị Miện, Tô Văn Ngọc, Bàn Văn Thông, Hà Văn Sương; tổ Đảng Nà Lại gồm các đồng chí Nguyễn Tiến Thành, Đặng Văn Đình, Hoàng Văn Vịnh, Triệu Văn Như.

Chi bộ Đại Thắng ra đời là một bước tiến quan trọng trong quá trình đấu tranh cách mạng của nhân dân các dân tộc Đại Sảo. Từ đây, phong trào cách mạng trong xã đã có một tổ chức Đảng trực tiếp lãnh đạo, chỉ đạo. Bắt tay vào thực hiện những nhiệm vụ cách mạng mới, Chi bộ Đảng xã Đại Thắng liên tục đẩy mạnh các phong trào nhằm thúc đẩy quần chúng tham gia lao động sản xuất, tổ chức các đợt học tập và sinh hoạt chính trị cho cán bộ, đảng viên trong chi bộ nhằm khắc phục tư tưởng cầu an, bi quan, chán nản trước một số sai lầm trong đợt vận động giảm

1. Tháng 8/1958, đồng chí Nguyễn Tiến Thành qua đời, đồng chí Đặng Văn Đình thay thế đảm nhiệm chức vụ.

tô. Qua đó, Chi bộ Đại Thắng được xây dựng ngày càng trong sạch, vững mạnh, mọi hoạt động dần đi vào nề nếp, niềm tin của nhân dân vào sự nghiệp cách mạng, vào sự lãnh đạo đúng đắn của Đảng được củng cố, tăng cường

Như vậy, trong những năm đầu sau hòa bình lập lại, dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo của Chi bộ Đảng và chính quyền, nhân dân Đại Thắng đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ khôi phục kinh tế, hàn gắn vết thương chiến tranh. Đến năm 1957, quê hương Đại Thắng đã đạt được những thành tựu cơ bản: Nền sản xuất trong toàn xã đã dần được khôi phục, nhân dân thoát khỏi cảnh thiếu đói; các tổ chức chính trị, xã hội trở lại hoạt động, chính quyền được củng cố; chi bộ Đảng ra đời và ngày càng lớn mạnh. Thành quả đó tạo nền tảng vững chắc cho việc hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc, dân chủ nhân dân trong toàn xã.

Thắng lợi của ba năm khôi phục kinh tế góp phần quan trọng vào việc ổn định và cải tạo đời sống nhân dân các dân tộc, góp phần to lớn để Chi bộ và nhân dân trong xã thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra.

Hơn ba năm (1954-1957) là giai đoạn lịch sử cách mạng có nhiều khó khăn, phức tạp. Nhiều nhiệm vụ trọng tâm, cấp bách đòi hỏi phải được tập trung giải quyết. Trong khi đó, các thế lực phản động và thù địch không ngừng các hoạt động khiêu khích, chống phá. Đội ngũ cán bộ vừa thiếu về số lượng, vừa hạn chế về năng lực, trình độ dân trí còn thấp... Nhưng được sự chỉ đạo trực tiếp, sát sao của Huyện ủy Chợ Đồn, đặc biệt từ khi thành

lập (tháng 2/1957), Chi bộ Đại Thắng đã vận dụng tốt các chủ trương, đường lối của Đảng, phát huy tinh thần đoàn kết, kịp thời lãnh đạo nhân dân khôi phục, xây dựng để ổn định tình hình kinh tế, xã hội; làm thất bại âm mưu của các thế lực thù địch, hoàn thành cách mạng dân chủ đem lại ruộng đất cho nông dân. Những thành tựu kinh tế, xã hội của Chi bộ và nhân dân Đại Thắng đạt được đã tạo tiền đề vật chất và tinh thần để nhân dân vững bước thực hiện con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa trong thời gian tới.

II. THỰC HIỆN KẾ HOẠCH 3 NĂM CẢI TẠO XÃ HỘI CHỦ NGHĨA (1958-1960) VÀ KẾ HOẠCH NHÀ NƯỚC 5 NĂM LẦN THỨ NHẤT (1960-1965)

Sau 3 năm (1954-1957) tiến hành hàn gắn vết thương chiến tranh, khôi phục kinh tế, văn hóa, Trung ương Đảng và Chính phủ chủ trương bước đầu phát triển kinh tế, văn hóa, cải tạo xã hội chủ nghĩa, đưa miền Bắc tiến dần từng bước lên chủ nghĩa xã hội, làm chỗ dựa vững chắc cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Tuy nhiên, sản xuất chỉ mới dừng lại ở tự cung tự túc, cơ cấu cây trồng còn đơn điệu và ở thể độc canh. Người nông dân Đại Thắng cần cù, chịu khó nhưng kỹ thuật canh tác vẫn còn rất lạc hậu với những công cụ thô sơ. Lối làm ăn riêng lẻ, phân tán đó nhất thiết phải thay đổi để tạo được cuộc sống ấm no hạnh phúc lâu bền cho nhân dân, hướng tới xây dựng một xã hội văn minh, giàu đẹp. V.I.Lênin đã chỉ rõ: “Chia ruộng đất chỉ tốt lúc đầu thôi, chia như thế có mục đích chứng tỏ rằng ruộng đất

thôi không thuộc về địa chủ nữa mà đã trở thành sở hữu của nông dân. Nhưng như thế chưa đủ, chỉ có canh tác tập thể mới là con đường thoát”.

Trước tình hình đó, để mở đường đưa cách mạng miền Bắc nói riêng và cả nước nói chung đi lên, Hội nghị lần thứ 14 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II, tháng 11/1958, trong Nghị quyết về nhiệm vụ, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội 3 năm (1958-1960), Đảng đã đưa ra đường lối cải tạo xã hội chủ nghĩa, chỉ rõ: “Kinh tế nước ta căn bản là kinh tế nông nghiệp. Chúng ta phải lấy hợp tác hóa nông nghiệp làm khâu chính để thúc đẩy toàn bộ công cuộc cải tạo xã hội chủ nghĩa”¹. Nghị quyết nhấn mạnh: “Hợp tác hóa là con đường đúng đắn duy nhất để đưa nông thôn miền Bắc tiến lên chủ nghĩa xã hội”².

Căn cứ vào đặc điểm tình hình địa phương, Chi bộ Đại Thắng xác định nhiệm vụ cải tạo xã hội chủ nghĩa trên địa bàn xã chủ yếu là thực hiện cuộc vận động hợp tác hóa nông nghiệp đối với nông dân theo đúng tinh thần của Hội nghị lần thứ 14 và 16 của Trung ương Đảng dưới sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện.

Thuận lợi cơ bản đối với xã Đại Thắng lúc này là nhân dân các dân tộc có truyền thống yêu nước, cách mạng, lao động cần cù. Bên cạnh đó, Chi bộ Đảng vừa được thành

1. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 19, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2001.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam, *Sđd*, Hà Nội, 2001

lập và củng cố vững chắc về mọi mặt, phong trào đòi công có từ trong kháng chiến tiếp tục được xây dựng và phát triển, có tác dụng hướng đồng bào các dân tộc làm quen dần với hình thức sản xuất tập thể. Tuy nhiên, ngoài những thuận lợi cơ bản, Đại Thắng còn phải đối mặt với không ít những khó khăn, thử thách. Trước hết đó là sự thay đổi một cách căn bản thói quen, nếp nghĩ, nếp làm lạc hậu đã có từ bao đời nay của người nông dân; ngoài ra là sự thưa thớt về dân cư, làng bản, ruộng đất manh mún, kỹ thuật canh tác lạc hậu, cơ sở vật chất phục vụ sản xuất gần như không có gì.

Để chuẩn bị tiền đề cho cuộc vận động xây dựng hợp tác xã, ngay từ cuối năm 1957, Chi bộ Đảng và chính quyền Đại Thắng tiến hành cuộc vận động giáo dục tư tưởng cho nhân dân với những nội dung thiết thực, đó là: Giáo dục về tình hình nhiệm vụ cách mạng kết hợp với vận động nhân dân quyết tâm thực hiện kế hoạch Nhà nước trong năm 1958. Tổ chức học tập Văn kiện Hội nghị đại biểu các Đảng Cộng sản và công nhân các nước xã hội chủ nghĩa họp tại Mátxcova (tháng 11/1957). Đồng thời, tổ chức các buổi nói chuyện thời sự về tình hình trong nước và quốc tế, nhất là âm mưu chia cắt lâu dài của đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai Ngô Đình Diệm, đẩy mạnh phong trào ủng hộ cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam. Chi bộ đặc biệt quan tâm đến việc tuyên truyền đẩy mạnh sản xuất trên cơ sở vận động nhân dân xây dựng các tổ đổi công trong sản xuất nông nghiệp. Cuộc vận động giáo dục xã hội chủ nghĩa đã thực sự trở thành đợt sinh hoạt chính trị vô cùng sâu rộng, qua đó góp phần nâng cao nhận thức

chuyển biến mạnh mẽ về mọi mặt. Quan trọng và sâu sắc hơn cả đó là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa được xác lập và cùng với đó là sự hình thành “giai cấp nông dân tập thể”. Nhân dân Đại Thắng từ làm ăn cá thể đi vào hợp tác sức lao động, trao đổi kinh nghiệm sản xuất trong các tổ đổi công rồi tiến lên xây dựng hợp tác xã. Trong 3 năm, nhờ có sự hợp tác về sức lao động, nên tình trạng hạn hán, ngập úng được giải quyết kịp thời, do đó sản lượng lương thực tăng cao hơn so với trước. Đời sống kinh tế và văn hóa tinh thần của nhân dân được cải thiện một bước.

Tuy nhiên, trong quá trình lãnh đạo, Chi bộ và chính quyền xã Đại Thắng đã mắc phải một số khuyết điểm và thiếu sót như: áp dụng máy móc và chủ quan các chỉ thị của cấp trên; nóng vội trong quá trình thành lập hợp tác xã để lấy thành tích, dẫn đến đội ngũ cán bộ quản lý hợp tác vừa thiếu lại vừa yếu; cán bộ lãnh đạo còn hiểu chưa đúng ý nghĩa của hai chữ “*hợp tác*” dẫn đến coi hợp tác xã là một đơn vị sản xuất khép kín, người nông dân cùng nhau góp tài sản, tư liệu sản xuất vào làm chung, hưởng chung, chỉ biết lợi ích tập thể mà không chú ý đến lợi ích của người lao động. Những hạn chế, thiếu sót đó sẽ được Chi bộ và chính quyền xã khắc phục trong quá trình lãnh đạo ở những giai đoạn tiếp theo.

Những thành tựu mà nhân dân Đại Thắng đã đạt được bước đầu khẳng định tính đúng đắn của đường lối cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng lãnh đạo, tạo ra những tiền đề vật chất và tinh thần vô cùng quan trọng để Đại Thắng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Tháng 9/1960, tại Thủ đô Hà Nội, Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng được tiến hành. Đại hội đã xác định 2 nhiệm vụ chiến lược của cách mạng Việt Nam trong giai đoạn mới là: Xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà. Đối với nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, Đại hội xác định rõ: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải thực hiện công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa theo phương hướng “Ưu tiên phát triển công nghiệp nặng một cách hợp lý, đồng thời phát triển nông nghiệp và công nghiệp nhẹ, đẩy mạnh cách mạng xã hội chủ nghĩa về tư tưởng văn hóa và kỹ thuật, đưa nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa có công nghiệp, nông nghiệp hiện đại, văn hóa và khoa học kỹ thuật tiên tiến”. Trên cơ sở đó, Đại hội đã đề ra kế hoạch phát triển kinh tế quốc dân 5 năm lần thứ nhất (1961-1965).

Bước vào giai đoạn lịch sử mới với những nhiệm vụ cách mạng mới, căn cứ vào tình hình và điều kiện thực tiễn của địa phương, Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Đồn xác định:

Về nông nghiệp: Lấy sản xuất lương thực bao gồm lúa và hoa màu làm chính, đồng thời đẩy mạnh chăn nuôi, tiếp tục củng cố, phát triển phong trào hợp tác hóa đi đôi với việc áp dụng khoa học kỹ thuật, cải tiến nông cụ sản xuất, nâng cao năng suất, sản lượng gieo trồng.

Về lâm nghiệp: Địa bàn Chợ Đồn có tiềm năng về phát triển lâm nghiệp nên phương hướng và nhiệm vụ của

Đảng bộ huyện đề ra là xúc tiến quy hoạch rừng, trồng và bảo vệ rừng, khai thác rừng theo kế hoạch đảm bảo nhu cầu cho địa phương trong và ngoài tỉnh.

Về thủ công nghiệp: Đẩy mạnh xây dựng các cơ sở sản xuất đồ gỗ, gạch ngói, cơ khí... phục vụ sản xuất và đời sống, xây dựng cơ sở vật chất cho các cơ quan, bệnh viện, trường học ở địa phương.

Bên cạnh nhiệm vụ phát triển kinh tế, Đảng bộ còn đề ra các nhiệm vụ quan trọng về phát triển văn hóa, giáo dục, y tế, củng cố an ninh quốc phòng, góp phần xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa thành hậu phương vững mạnh, ra sức chi viện cho đồng bào miền Nam¹.

Quán triệt nhiệm vụ mà Ban Chấp hành Đảng bộ huyện đề ra, Chi bộ Đảng cùng toàn thể nhân dân xã Đại Thắng bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất với niềm hứng khởi và quyết tâm cao độ. Trước hết, Chi bộ đã tập trung lãnh đạo nhân dân vừa khắc phục những khó khăn từ trước, vừa phải giải quyết những khó khăn mới nảy sinh đó là: Sản xuất nông nghiệp vẫn hoàn toàn phụ thuộc vào thiên nhiên; trình độ canh tác rất lạc hậu; cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ cho sản xuất nhất là về thủy lợi chưa được xây dựng; đội ngũ cán bộ chi ủy, chính quyền và cán bộ hợp tác xã còn non yếu về phương pháp quản lý. Trong khi đó sản xuất phải thực hiện theo các chỉ tiêu, kế hoạch của Nhà nước giao cho hàng năm

1. Ban Chấp hành Đảng bộ huyện Chợ Đồn: *Lịch sử Đảng bộ huyện Chợ Đồn*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2000, tập II, tr.48.

đòi hỏi cán bộ, đảng viên và nhân dân xã phải hoàn thành. Tuy quan hệ sản xuất mới đã được xác lập, song hầu hết các hợp tác xã còn ở bậc thấp, quy mô nhỏ, việc điều hành sản xuất gặp muôn vàn khó khăn. Phần lớn xã viên gia nhập vào hợp tác xã chủ yếu xuất phát từ niềm tin ở sự lãnh đạo của Đảng chứ chưa thực sự tin tưởng vào hiệu quả làm ăn tập thể.

Bên cạnh những khó khăn kể trên, Chi bộ và nhân dân Đại Thắng bước vào thực hiện kế hoạch 5 năm với những thuận lợi hết sức cơ bản, đó là: Hầu hết đội ngũ cán bộ, đảng viên được thử thách và rèn luyện, nâng cao một bước về thực tiễn, trình độ lý luận, trình độ chuyên môn trong ba năm cải tạo xã hội chủ nghĩa nên khi bước vào thời kỳ thực hiện kế hoạch Nhà nước có điều kiện để phát huy vai trò tích cực và những kinh nghiệm được tích lũy. Trong Chi bộ, cán bộ, đảng viên đã thể hiện rõ được vai trò lãnh đạo, vị trí của mình, tạo được niềm tin cho quần chúng. Nhân dân Đại Thắng có truyền thống cách mạng, đoàn kết, cần cù và sáng tạo trong lao động sản xuất... Những thuận lợi này là tiền đề cơ bản, vững chắc để Chi bộ lãnh đạo nhân dân xây dựng, kiến thiết quê hương bước vào giai đoạn cách mạng mới.

Trên cơ sở đánh giá những thuận lợi và khó khăn, được sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Chợ Đồn, Chi bộ Đại Thắng đã tập trung lãnh đạo nhân dân phát huy những tiềm năng thế mạnh của địa phương, khắc phục những tồn tại, hạn chế. Chi bộ chú trọng giáo dục, tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho đảng viên và các đoàn thể

quần chúng, phát triển kinh tế kết hợp với củng cố xây dựng hợp tác xã; đẩy mạnh các hoạt động về văn hóa - xã hội; tăng cường công tác xây dựng Đảng, chính quyền, lực lượng dân quân và các đoàn thể quần chúng.

Bước vào thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm lần thứ nhất, xã Đại Thắng đã có 4 hợp tác xã nông nghiệp hoạt động, thu hút đông đảo nhân dân tham gia. Tuy nhiên, quá trình hoàn thiện cơ chế hợp tác hóa nông nghiệp trên địa bàn xã thời gian này vấp phải không ít khó khăn do nhận thức về đường lối làm ăn tập thể của Đảng trong nhân dân chưa cao, nhiều quan điểm không thống nhất giữa cán bộ, đảng viên trong Chi bộ nảy sinh. Qua đấu tranh trong Đảng, Ban Chi ủy đã nâng cao nhận thức về tính đúng đắn của đường lối hợp tác hóa trong nông nghiệp cho cán bộ, đảng viên. Tiếp tục đẩy mạnh cuộc vận động xây dựng hợp tác xã nông nghiệp. Tính đến cuối năm 1961, toàn Chi bộ đã đạt được sự thống nhất cao trong việc quán triệt đường lối của Đảng, có tác dụng củng cố và thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển của phong trào hợp tác hóa trong toàn xã, thu hút 100% số hộ vào hợp tác xã, kể cả những vùng cao trong địa bàn.

Cùng thời gian này, Huyện ủy có chủ trương phát triển các hợp tác xã bậc thấp thành hợp tác xã bậc cao và mở rộng quy mô hợp tác xã. Trong chỉ đạo thực hiện, Ban Chấp hành Huyện ủy nhấn mạnh việc phát triển các hợp tác xã bậc cao phải được xem xét cụ thể, phải đáp ứng được các điều kiện về cơ sở vật chất, kỹ thuật, trình độ quản lý... Hưởng ứng tinh thần của Huyện ủy Chợ Đồn,

Ban Chi ủy xã đã họp và đề ra biện pháp phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn của địa phương. Theo đó, hợp tác xã Nà Lại và hợp tác xã Bằng Tộc hợp nhất lại thành hợp tác xã Tiên Phong do đồng chí Nguyễn Duy Thâm làm Chủ nhiệm; hợp tác xã Sáo Thượng và Sáo Hạ hợp nhất lại thành hợp tác xã liên hợp Việt Hùng do đồng chí Nông Văn Hàm làm Chủ nhiệm, hoạt động theo mô hình hạch toán kinh tế độc lập theo từng đội gọi là đội Chí Kiên và đội Hóa Thám.

Giữa lúc phong trào phát triển hợp tác xã ở xã đã đạt được những chuyển biến quan trọng, trở thành phong trào của toàn dân thì những bất cập trong quá trình chỉ đạo xây dựng nảy sinh. Do việc xây dựng cơ sở vật chất, kỹ thuật gặp nhiều khó khăn, thêm vào đó là sự yếu kém về năng lực và trình độ quản lý khiến năng suất và hiệu quả lao động của các hợp tác xã giảm sút, ảnh hưởng đến đời sống của nhân dân. Đặc biệt, năm 1962, do không hoàn thành chỉ tiêu 10 tấn thóc yêu nước mà Huyện ủy giao, đồng chí Lưu Văn My bị cách chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã, đồng chí Đặng Văn Đình bị cách chức Bí thư Chi bộ.

Đứng trước tình trạng trì trệ trong quan hệ sản xuất của các hợp tác xã nông nghiệp, Ban Chi ủy đã tiến hành họp và kiểm điểm rút ra bài học kinh nghiệm. Theo đó, nguyên nhân chủ yếu của tình trạng trên là do tư tưởng cán bộ, đảng viên chậm chuyển biến, thiếu chủ động trong quản lý toàn diện kế hoạch sản xuất. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, ngoài việc kiên quyết đưa ra khỏi Đảng những cán bộ, đảng viên yếu kém về năng lực và nhận thức chính

trị, Chi bộ thống nhất bầu đồng chí Triệu Văn Như làm Bí thư, đồng chí Hà Văn Phẩm được chỉ định giữ chức Chủ tịch Ủy ban hành chính xã. Những việc làm thiết thực trên đã góp phần ổn định tư tưởng cho cán bộ, đảng viên, nhân dân, đẩy mạnh sản xuất. Bên cạnh đó, về mặt tổ chức hành chính, năm 1964, xã Đại Thắng được đổi tên thành Đại Sảo và ổn định từ đó đến nay.

Để đẩy mạnh hơn nữa phong trào hợp tác hóa ở địa phương, hưởng ứng phong trào phát triển kinh tế, văn hóa, nhanh chóng đưa miền núi tiến kịp miền xuôi, Huyện ủy chủ trương cử cán bộ về từng xã cùng với cán bộ chuyên viên của Trung ương giúp đỡ các địa phương trong cuộc vận động củng cố và phát triển hợp tác xã. Bước sang năm 1963, để phù hợp với mọi hoạt động trong tình hình mới, hợp tác xã Tiên Phong được tách ra thành hợp tác xã Nà Lại và hợp tác xã Bằng Tộc như trước. Qua các đợt cải tiến quản lý hợp tác xã, đến đầu năm 1965, hoạt động của các hợp tác xã trên địa bàn Đại Sảo đã dần đi vào nề nếp, sản xuất lúa và hoa màu đều do hợp tác xã nông nghiệp quản lý. Sản xuất tương đối phát triển, đời sống nhân dân nhìn chung ổn định, tạo điều kiện để đồng bào thực hiện tốt các chính sách nghĩa vụ lương thực, thực phẩm cho Nhà nước.

Ngoài hợp tác xã nông nghiệp, hợp tác xã tín dụng trong giai đoạn này cũng có những bước phát triển mới, dẫn đầu phong trào là đảng viên và đoàn viên thanh niên. Hợp tác xã mua bán cũng có bước phát triển nhanh chóng. Ban Chi ủy đã vận động quần chúng tham gia đóng góp cổ

phần, đảng viên là những người gương mẫu đi đầu, đóng góp từ 2-3 cổ phần có tác dụng lôi kéo quần chúng nhân dân tham gia. Đến năm 1964, Đại Sáo đã hoàn thành việc xây dựng hợp tác xã tín dụng và hợp tác xã mua bán.

Cũng như nhiều địa phương khác của huyện, Đại Sáo là xã có thế mạnh về kinh tế rừng. Từ bao đời nay, nhân dân các dân tộc Đại Sáo vẫn dựa vào thế mạnh của rừng, tìm cách khai thác khoáng sản, lâm sản để tăng thêm thu nhập, cải thiện đời sống. Trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, kinh tế rừng được tạo điều kiện phát triển theo tinh thần Nghị định 221 của Chính phủ. Theo đó, công tác bảo vệ rừng, trồng cây gây rừng được chú trọng.

Các hoạt động văn hóa xã hội đạt nhiều kết quả quan trọng. Đáng chú ý là đội văn nghệ của xã được thành lập, biểu diễn những tiết mục văn nghệ vừa phong phú sinh động, vừa làm cho thôn xóm có nhiều thay đổi về đời sống văn hóa tinh thần, vừa góp phần quan trọng vào công tác thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước vào trong quần chúng nhân dân. Phong trào vận động nhân dân xây dựng đời sống văn hóa mới cũng được triển khai sâu rộng, đáp ứng những yêu cầu về văn hóa, tinh thần của nhân dân. Đây thực sự là cuộc vận động trên mặt trận văn hóa tư tưởng, vừa phải đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của đồng bào, vừa xóa bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, xây dựng đời sống văn hóa mới. Do đó, phải xây dựng phong trào từ trong nhân dân, tạo bước chuyển biến trong nhận thức của đồng bào các dân tộc. Xã đã xây dựng được bản

quy ước dựa trên sự đồng tình của đông đảo quần chúng nhân dân. Theo đó, Chi bộ đã tăng cường công tác cải tạo bụt tào mo then, chống mê tín dị đoan, giảm nhẹ ma chay cưới hỏi. Nhờ đó mà nhiều hủ tục, tệ nạn mê tín dị đoan trong xã dần được đẩy lùi.

Về giáo dục, từ đầu năm 1961, nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ xã và cơ sở, Chi bộ đã chỉ đạo các cán bộ, đảng viên, đoàn viên thanh niên phải phấn đấu học hết cấp I; tiếp tục đẩy mạnh việc thanh toán nạn mù chữ cho quần chúng nhân dân. Thực hiện nhiệm vụ đó, xã đã đẩy mạnh công tác dạy và học, đồng thời tăng cường vận động các tầng lớp nhân dân tham gia học tập xóa mù chữ. Đến năm 1962, xã đã được công nhận là thanh toán xong nạn mù chữ.

Về y tế, trong điều kiện kinh tế còn nghèo nàn, yêu cầu bảo vệ sức khỏe cho nhân dân rất quan trọng. Nhận thức được vấn đề này, Chi bộ và Ủy ban hành chính xã vận động nhân dân lấy một số vật liệu có sẵn ở địa phương để xây dựng trạm xá. Trạm xá xã Đại Sảo được thành lập năm 1964 do đồng chí Lưu Văn Đôn làm trạm trưởng cơ bản đã đáp ứng phần nào nhu cầu khám chữa bệnh của nhân dân. Thời kỳ đầu, cán bộ làm công tác y tế chỉ có 2 y tá, đến năm 1966 trạm đã có 1 y sĩ, 4 y tá, 1 hộ sinh. Hàng năm, trạm xá đều cử người đi học tập ở các lớp đào tạo do tỉnh tổ chức nhằm nâng cao trình độ chuyên môn. Bên cạnh đó trạm xá xã đều tổ chức khám bệnh, phát thuốc, phòng bệnh cho nhân dân định kỳ. Nhờ đó mà trên địa bàn xã thời kỳ này không có dịch bệnh

nào nghiêm trọng xảy ra, trong nhiều gia đình mỗi khi có người thân đau ốm, không còn hiện tượng đón thầy cúng về nhà trừ ma chữa bệnh.

Cuối năm 1964, thực hiện chủ trương đưa đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế, văn hóa ở miền núi, Đại Sào được giao chỉ tiêu tiếp nhận nhân khẩu từ tỉnh Thái Bình. Dưới sự chỉ đạo của Huyện ủy, Chi bộ xã đã lãnh đạo nhân dân phát huy truyền thống đoàn kết, tương thân tương ái, ra sức giúp đỡ các hộ đồng bào miền xuôi lên phát triển kinh tế mới. Đến tháng 8/1964, được sự giúp đỡ của nhân dân các dân tộc Đại Sào, cơ sở vật chất, nhà ở cho các hộ miền xuôi đã cơ bản được xây dựng hoàn tất. Khu vực từ Khuổi Pầu đến Nà Ngà với 52 bung ruộng được nhường lại cho đồng bào miền xuôi để chăn nuôi, trồng trọt, phát triển kinh tế¹.

Bên cạnh công tác chỉ đạo xây dựng, phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, công tác xây dựng Đảng trở thành nhiệm vụ trọng tâm của giai đoạn này với nội dung cơ bản là làm trong sạch tổ chức Đảng, phát huy vai trò lãnh đạo của Đảng trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, củng cố quốc phòng - an ninh ở địa phương. Chi bộ quan tâm đặc biệt đến các quần chúng trong Đoàn Thanh niên, bồi dưỡng và phát triển họ trở thành những đảng viên kế cận đứng trong hàng ngũ của Đảng. Nhờ những biện pháp tích cực trên, công tác phát triển Đảng ở Đại Sào đã

1. Đợt di dân lần thứ nhất diễn ra vào tháng 1/1965, Đại Sào tiếp nhận 13 hộ, trong đó có 3 đảng viên (2 chính thức, 1 dự bị) gồm các đồng chí: Phạm Căng, Hoàng Hồng, Phạm Thị Mùi (đảng viên dự bị)

có những bước tiến đáng kể, cuối năm 1964, Đại Sáo đã thành lập được 3 tổ Đảng:

- Tổ Đảng Bằng Tộc gồm các đồng chí Ma Thị Miện, Tô Văn Ngọc, Bàn Văn Thông, Hoàng Văn Vụ, Triệu Văn Lộc, La Đình Phúc, Tô Văn Mỹ, Hoàng Ngọc, Tô Thị Đạo và đồng chí Hà Văn Sương (đảng viên dự bị)

- Tổ Đảng Nà Lại gồm các đồng chí Hà Văn Phẩm, Đặng Văn Đình, Hoàng Văn Vịnh và Nguyễn Tiến Đồi.

- Tổ Đảng Bản Sáo gồm các đồng chí Triệu Văn Nhu, Nông Văn Thập, Nông Văn Hàm, Ma Thị Ngoan, Hoàng Đức Chu.

Cùng với đó, hưởng ứng cuộc vận động xây dựng, củng cố các xã do Huyện ủy Chợ Đồn phát động với tinh thần “thực hiện vấn đề xây dựng vùng xung yếu là đấu tranh giai cấp theo phương pháp hòa bình, là sự kết hợp giữa lực lượng quảng đại quần chúng với pháp luật Nhà nước, kiên quyết trấn áp phản cách mạng và cải tạo phần tử phức tạp của xã hội cũ”, Chi bộ đã mở các cuộc học tập chính sách của Đảng nhằm nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong toàn thể cán bộ, nhân dân. Qua đó đấu tranh chống lại các âm mưu phản loạn của các phần tử phản động, giữ gìn an ninh xã hội. Qua bốn đợt phát động xây dựng vùng xung yếu trong các năm 1961-1965, tình hình xã đã có nhiều chuyển biến tốt về mọi mặt, quốc phòng - an ninh được giữ vững, công tác quân sự địa phương được tăng cường, lực lượng vũ trang luôn sẵn sàng đối phó với mọi âm mưu của kẻ thù trấn áp các phần tử phản động... Năm 1964, Đại Sáo được ghi

nhận là một trong những xã hoàn thành tốt các chỉ tiêu kế hoạch xây dựng vùng xung yếu của toàn huyện.

Trong quá trình tiến hành cuộc vận động xây dựng vùng xung yếu, các đoàn thể, các tổ chức chính trị xã hội, các tổ chức đoàn thể như Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Hội Phụ lão được tái lập, nhanh chóng củng cố tổ chức, tăng cường tập hợp quần chúng. Hội Phụ nữ đã phát động hội viên tham gia phong trào thi đua “Mỗi người làm việc bằng hai”, noi gương chiến đấu bất khuất của phụ nữ miền Nam... Hội Phụ nữ đã tích cực hưởng ứng các phong trào do Hội Phụ nữ huyện phát động như tổ chức các buổi học tập chuyên đề cấy đúng kỹ thuật, làm cỏ, bón phân... Đoàn Thanh niên đã động viên thanh niên phát huy vai trò xung kích của tuổi trẻ trong sản xuất, phòng dịch bệnh, bảo vệ mùa màng.

Công tác chính quyền cũng đồng thời được củng cố về mặt tổ chức, những cán bộ không đủ phẩm chất, năng lực công tác được thay thế, các lớp bồi dưỡng được tổ chức nhằm nâng cao năng lực, trình độ quản lý cho cán bộ nhằm thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Nhà nước và chính quyền địa phương.

Trải qua những năm thực hiện cuộc vận động xây dựng Đảng, Chi bộ Đại Sảo đã từng bước trưởng thành về mọi mặt, thực sự trở thành lực lượng tổ chức, lãnh đạo mọi phong trào ở địa phương. Tuy vậy, trong quá trình thực hiện kế hoạch 5 năm lần thứ nhất, Chi bộ Đảng vẫn bộc lộ những khuyết điểm, thiếu sót cần khắc phục như công tác lãnh đạo, chỉ đạo kiểm tra của Chi bộ chưa thường xuyên,

nhân dân Đại Sáo đã góp phần không nhỏ vào thành tích chung của cả huyện Chợ Đồn, đưa Chợ Đồn trở thành một trong sáu đơn vị hoàn thành xuất sắc nhất các nhiệm vụ được giao (trong 13 huyện, thành của tỉnh Bắc Thái).

Có được những kết quả trên trước hết là nhờ sự lãnh đạo, chỉ đạo của Đảng bộ tỉnh Bắc Thái, Đảng bộ huyện Chợ Đồn mà trực tiếp là Chi bộ Đảng xã. Từ khi mới thành lập đến khi bước vào lãnh đạo nhân dân đấu tranh chống đế quốc Mỹ xâm lược, Chi bộ Đại Sáo luôn luôn quán triệt việc đẩy mạnh giáo dục chính trị tư tưởng trong đảng viên toàn Chi bộ nhằm nắm vững mọi chủ trương, đường lối của Đảng. Ngay từ đầu năm 1965, khi cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ diễn ra ngày càng ác liệt, cuộc vận động xây dựng Đảng theo tiêu chuẩn “4 tốt” do Trung ương phát động càng được đẩy mạnh trong toàn Chi bộ. Phong trào phấn đấu trong toàn Chi bộ để đạt danh hiệu “4 tốt” đã có tác dụng rèn luyện phẩm chất, năng lực của đảng viên, nêu cao vai trò lãnh đạo của Chi bộ ở cơ sở, số lượng đảng viên không ngừng tăng lên, tỷ lệ đảng viên có trình độ học vấn từ cấp 2 chiếm tỷ lệ ngày càng nhiều.

Trước sự phát triển mạnh mẽ của Chi bộ Đại Sáo, Tỉnh ủy Bắc Thái, Huyện ủy Chợ Đồn đã kịp thời đưa ra phương hướng chỉ đạo Chi bộ và nhân dân Đại Sáo một mặt thực hiện nhiệm vụ kinh tế mới, đồng thời phấn đấu hoàn thành các nhiệm vụ chính trị mà trước tiên là nhiệm vụ phát triển từ Chi bộ lên Đảng bộ. Ngày 5/3/1968, được sự đồng ý của Đảng bộ huyện, Chi bộ Đại Sáo được nâng

cấp lên thành Đảng bộ, đồng chí Triệu Văn Như được bầu làm Bí thư, đồng chí Hà Văn Phẩm được bầu làm Phó Bí thư. Ngay sau khi ra đời, Đảng bộ Đại Sảo đã mở nhiều đợt tuyên truyền giáo dục rộng rãi về chủ nghĩa xã hội trong cán bộ và nhân dân; đồng thời cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng tại Trường Chính trị Phùng Chí Kiên của tỉnh. Cuộc vận động giáo dục chủ nghĩa xã hội đã trở thành đợt sinh hoạt chính trị sâu rộng; qua đó góp phần nâng cao nhận thức giác ngộ xã hội chủ nghĩa cho cán bộ, đảng viên và nhân dân trong huyện, tạo thành động lực quan trọng thúc đẩy mọi mặt công tác khác.

Có thể nói, những năm 1965-1968 là thời gian đặc biệt khó khăn của nhân dân miền Bắc nói chung, nhân dân Đại Sảo nói riêng khi đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ: Vừa sản xuất vừa chiến đấu với giặc Mỹ, vừa chi viện cho chiến trường miền Nam. Tuy nhiên, Đảng bộ và nhân dân Đại Sảo đã phấn đấu vượt qua mọi khó khăn gian khổ chi viện đầy đủ sức người, sức của cho miền Nam, góp phần đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, làm tròn nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ quê hương.

2. Đảng bộ Đại Sảo lãnh đạo nhân dân góp phần đánh thắng chiến tranh phá hoại lần thứ hai của đế quốc Mỹ, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc

Tháng 11/1968, với những thắng lợi to lớn mà quân và dân ta đạt được trên cả hai miền Nam, Bắc, Chính phủ Mỹ buộc phải tuyên bố xuống thang chiến tranh, ngừng ném bom đánh phá miền Bắc, ngồi vào bàn đàm phán với Chính phủ ta và đại diện Mặt trận Dân tộc giải phóng

miền Nam Việt Nam tại Hội nghị 4 bên ở Pari (Pháp). Tuy nhiên, âm mưu xâm lược đất nước ta của đế quốc Mỹ không vì thế mà giảm sút. Ngày 3/11/1968, trong “Lời kêu gọi cả nước tiến lên đánh thắng giặc Mỹ xâm lược”, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu rõ: “Chúng ta đã đánh thắng cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ ở miền Bắc. Song đó chỉ mới là thắng lợi bước đầu. Đế quốc Mỹ rất ngoan cố và xảo quyệt... Hễ còn một tên xâm lược trên đất nước ta, thì ta còn phải tiếp tục chiến đấu, quét sạch nó đi”¹.

Đầu năm 1969, khi vừa trúng cử Tổng thống, Nixon cho áp dụng thí điểm ngay chiến lược “Việt Nam hóa chiến tranh” ở miền Nam, tiếp tục gây nhiều tội ác với nhân dân ta. Ở miền Bắc, mặc dù tuyên bố ngừng ném bom nhưng đế quốc Mỹ vẫn ngày đêm cho máy bay trinh sát và khiêu khích để chuẩn bị cho những hành động quân sự mới.

Ngày 15/3/1969, Bộ Chính trị Trung ương Đảng cũng ra Nghị quyết chỉ rõ: “Miền Bắc địch có thể đánh phá trở lại một số nơi nào đó, ta cần phải đề cao cảnh giác nhưng phải hết sức tranh thủ những thuận lợi mới, khắc phục khó khăn, tăng cường lực lượng miền Bắc, chi viện cho miền Nam”. Trước những diễn biến mới của tình hình đất nước, căn cứ vào thực tế địa phương, Đảng bộ Đại Sào quyết tâm tập trung mọi sức lực xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội địa phương vững mạnh, đồng

1. Bài viết đăng trên báo *Nhân dân*, số 5317, ngày 3/11/1968.

thời đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ của hậu phương đối với tiền tuyến. Đảng bộ xác định nhiệm vụ trọng tâm và cụ thể lúc này là: Ra sức chiến đấu bảo vệ hậu phương vững mạnh, đẩy mạnh phát triển kinh tế mà trọng tâm là phát triển sản xuất nông nghiệp, củng cố quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa, cải tạo nền kinh tế nhỏ, củng cố vững chắc các hợp tác xã nông nghiệp...

Thực hiện Nghị quyết của Trung ương Đảng về đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp và “Phương hướng, nhiệm vụ, xây dựng và phát triển kinh tế - văn hóa 3 năm 1968-1970” của Tỉnh ủy Bắc Thái, thực hiện cuộc động viên chính trị “Tất cả để đánh thắng giặc Mỹ xâm lược” theo tinh thần Nghị quyết 175 của Bộ Chính trị Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của Huyện ủy Chợ Đồn, Đảng bộ và nhân dân Đại Sảo ra sức khắc phục mọi khó khăn, đẩy mạnh các phong trào thi đua phát triển sản xuất theo ba mũi nhọn thế mạnh của xã là sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và nghề rừng.

Về lãnh đạo sản xuất nông nghiệp, đảm bảo lương thực thực phẩm, Đảng bộ xã chủ trương đẩy mạnh thâm canh tăng vụ, tăng năng suất, chú trọng công tác làm thủy lợi, kết quả của chiến dịch ra quân làm thủy lợi, kiến thiết ruộng đồng đã góp phần quan trọng trong việc nâng cao thành tích lãnh đạo công tác thủy lợi của Đảng bộ, phục vụ cho các hoạt động sản xuất nông nghiệp. Phong trào lao động sản xuất thu hút sự tham gia đông đảo của bà con xã viên trong các hợp tác xã.

Vụ mùa năm 1968, tuy có thuận lợi là máy bay địch tạm ngừng bắn phá, nhưng ảnh hưởng của trận lụt đã làm ngập hàng chục hecta hoa màu và lúa bị ngập thối hoàn toàn, phải cấy lại. Trước tình hình đó, chính quyền xã Đại Sào đã cùng bà con nhân dân phát huy tinh thần đoàn kết, giúp đỡ lẫn nhau, cùng cấy lại những diện tích lúa bị ngập thối và khôi phục lại những diện tích hoa màu bị hư hỏng. Nhờ những cố gắng của bà con nhân dân cùng nhau khắc phục mọi khó khăn, vì vậy mà vụ mùa năm 1968 đã nâng cao năng suất lúa, góp phần nâng cao đời sống của bà con nhân dân trong xã.

Năm 1969, thời tiết thuận lợi hơn năm 1968, bên cạnh đó, hệ thống công trình thủy lợi phục vụ cho sản xuất như hệ thống mương phai dẫn nước vào các cánh đồng đã cơ bản hoàn thành là điều kiện thuận lợi để thúc đẩy sản xuất phát triển. Đây là dấu mốc quan trọng trong lĩnh vực sản xuất nông nghiệp góp phần mở rộng diện tích, nâng cao năng suất lúa của xã. Ngoài ra, công trình còn là kết quả của ý chí quyết tâm và sức mạnh trí tuệ của con người để cải tạo tự nhiên.

Năm 1969, giáo dục, văn hóa - xã hội ở Đại Sào có những bước phát triển mới. Hệ thống giáo dục phổ thông không ngừng được Đảng bộ xã quan tâm, đầu tư và mở rộng, đáp ứng nhu cầu học tập của nhân dân trong xã. Trong chiến tranh phá hoại lần thứ nhất, hoạt động của các đội văn nghệ phải tạm ngừng thì đến thời điểm này có điều kiện phát triển trở lại. Công tác y tế, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân không ngừng đẩy mạnh và nâng cao thêm một bước.

Trong lúc Đảng bộ và nhân dân Đại Sáo đang nỗ lực phấn đấu thi đua khôi phục và phát triển kinh tế ở miền Bắc, chống đế quốc Mỹ xâm lược ở miền Nam thì ngày 2/9/1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh - vị lãnh tụ kính yêu của cả dân tộc Việt Nam qua đời. Sự ra đi của Người là tổn thất vô cùng lớn lao, là nỗi đau thương vô hạn đối với toàn Đảng và toàn dân tộc ta. Cùng với nhân dân cả nước, nhân dân các dân tộc Đại Sáo long trọng tổ chức lễ truy điệu Người. Cán bộ, đảng viên và nhân dân Đại Sáo nguyện đoàn kết một lòng, tuyệt đối trung thành với sự nghiệp cách mạng, tin theo con đường xã hội chủ nghĩa mà Đảng và Bác đã lựa chọn, nỗ lực phấn đấu xây dựng hậu phương vững mạnh, tích cực chi viện sức người, sức của cho tiền tuyến, góp phần cùng toàn dân, toàn quân đánh thắng giặc Mỹ xâm lược.

Biên đau thương thành hành động cách mạng, Đảng bộ Đại Sáo đã động viên cán bộ, nhân dân trong xã quyết tâm ra sức thực hiện trọn vẹn lời dạy của Người trong Di chúc. Thông qua việc học tập Di chúc, cán bộ, đảng viên trong xã đã tự giác rèn luyện đạo đức, lối sống, phẩm chất trong lao động, sản xuất, học tập và sinh hoạt hàng ngày. Qua đợt học tập này, Đảng bộ Đại Sáo đã nêu bật được vai trò lãnh đạo, tăng cường được khối đại đoàn kết toàn dân, tạo niềm tin trong nhân dân với Đảng.

Năm 1970, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Bắc Thái triển khai cuộc vận động trong toàn Đảng bộ thực hiện 3 Nghị quyết lớn của Trung ương và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ lần thứ VIII với các mục tiêu động viên

mọi lực lượng lao động của toàn xã hội tích cực tham gia lao động sản xuất và công tác, tăng cường chế độ làm chủ tập thể ở nông thôn và cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên. Các Nghị quyết trên được Ban Chấp hành Đảng bộ huyện quán triệt tới từng xã và được Đảng bộ xã Đại Sào thực hiện trong suốt những năm 1970-1971.

Quán triệt sâu sắc các Nghị quyết của Trung ương, Tỉnh ủy, Huyện ủy, Đảng bộ xã đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ cụ thể về sản xuất, xây dựng hậu phương, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến là nhiệm vụ trung tâm nhằm động viên cán bộ và nhân dân các dân tộc tích cực tham gia lao động sản xuất, khôi phục và phát triển kinh tế, cải thiện đời sống nhân dân.

Thực hiện tinh thần Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ, nhân dân các dân tộc Đại Sào đã tích cực phấn đấu và đạt được nhiều thành tích quan trọng trên nhiều lĩnh vực. Diện tích gieo trồng, năng suất, tổng sản lượng lương thực không ngừng tăng. Các ngành nghề tiểu thủ công nghiệp, thương nghiệp, dịch vụ mua bán tiếp tục phát triển và có những đổi mới tích cực. Công tác văn hóa - giáo dục, y tế không ngừng được chú trọng đầu tư. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền và các đoàn thể nhân dân được đặc biệt quan tâm, chú trọng theo hướng kiện toàn về tổ chức và hoạt động có hiệu quả.

Về sản xuất nông nghiệp, để học tập kinh nghiệm sản xuất giống lúa mới, Đảng bộ đã tổ chức cho một số cán bộ đi thăm quan các mô hình hợp tác xã tiên tiến. Xã viên trong các hợp tác xã phát huy truyền thống cần cù lao

động, được Đảng bộ, các đoàn thể thanh niên, phụ nữ và phụ lão động viên đã ra sức thi đua lao động, bảo đảm sản xuất kịp thời vụ.

Vừa tiến hành đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp, Đảng bộ và nhân dân Đại Sảo vừa phấn đấu hoàn thành chỉ tiêu giao quân trong các đợt. Đảng bộ đã giáo dục, động viên về tư tưởng cho thanh thiếu niên đến tuổi nghĩa vụ, kiên quyết khắc phục những hiện tượng tiêu cực đã xuất hiện trong các đợt giao quân trước như: trốn tránh, chống lệnh khám tuyển, không nhận quyết định, đào ngũ... Đảng bộ chỉ đạo các chi bộ, Hội Phụ nữ, Đoàn Thanh niên đến từng gia đình động viên anh em yên tâm lên đường nhập ngũ. Kết quả trong các đợt tuyển quân, Đảng bộ và nhân dân Đại Sảo đã hoàn thành và vượt chỉ tiêu so với kế hoạch.

Tháng 3/1970, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 195 về cuộc vận động nâng cao chất lượng đảng viên và kết nạp lớp đảng viên Hồ Chí Minh. Thực hiện Nghị quyết của Bộ Chính trị, các Đảng bộ, trong đó có Đại Sảo đã đề ra nhiều kế hoạch, biện pháp cụ thể để rèn luyện đảng viên. Trên mọi lĩnh vực lao động, sản xuất, công tác và học tập, cán bộ, đảng viên đã tích cực đấu tranh chống những biểu hiện tiêu cực, bảo thủ, ngại khó khăn, gian khổ để vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Sự đoàn kết trong nội bộ Đảng được củng cố vững chắc.

Cuộc vận động lao động sản xuất và cuộc vận động phát huy dân chủ, tăng cường chế độ làm chủ tập thể của quần chúng xã viên ở nông thôn theo các Nghị quyết 195, 196, 197 của Trung ương. Thông qua lãnh đạo triển khai

thực hiện ba cuộc vận động lớn, đặc biệt là cuộc vận động phát huy dân chủ và tăng cường chế độ làm chủ của xã viên ở nông thôn, quyền làm chủ tập thể của quần chúng nhân dân huyện Chợ Đồn nói chung và nhân dân các dân tộc Đại Sảo nói riêng được mở rộng cả về kinh tế, chính trị, xã hội. Xã viên được tham gia phê bình cán bộ, đảng viên về cách làm ăn, về cách quản lý hợp tác xã, được bàn bạc kế hoạch sản xuất nên rất phấn khởi, ý thức làm chủ tập thể được phát huy. Với những cố gắng nỗ lực của cán bộ và bà con nhân dân trong hợp tác xã ở Đại Sảo đã nâng cao đời sống của nhân dân, hoàn thành nghĩa vụ thuế với Nhà nước, đóng góp sức người, sức của cho tiền tuyến lớn miền Nam.

Nghề rừng vốn là thế mạnh trong phát triển kinh tế của Đại Sảo, song việc quản lý, gây trồng, tu bổ và khai thác còn nhiều hạn chế và thiếu sót. Từ xa xưa, nhân dân vẫn sống dựa vào rừng, song ý thức bảo vệ rừng lại rất yếu, nhất là các khu vực rừng phòng hộ, rừng đầu nguồn. Tình trạng phá rừng làm nương rẫy, khai thác rừng không có kế hoạch vẫn diễn ra thường xuyên. Trước thực trạng đó, cấp ủy, chính quyền xã đã vận động nhân dân tích cực thực hiện trồng cây gây rừng, phủ xanh đất trống đồi trọc.

Thủ công nghiệp và công nghiệp địa phương nhìn chung phát triển còn chậm. Đảng ủy xã tuy có quan tâm song chủ yếu vẫn là để giải quyết những nhu cầu trước mắt nên không khuyến khích được sự phát triển của các ngành nghề thủ công và công nghiệp địa phương.

Về văn hóa - giáo dục, hệ thống giáo dục phổ thông trong hoàn cảnh mới có nhiều thuận lợi hơn, trường lớp trở